

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Phạm vi cung cấp**

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Thông tin chung: căn cứ thông tin công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

- Yêu cầu về mặt kỹ thuật được tổng hợp tại Bảng V.1.2A kèm theo E-HSMT
- Nhà thầu kèm theo dữ liệu điện tử (định dạng Microsoft Excel) bảng tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan theo Bảng V.1.2B kèm theo E-HSMT

Yêu cầu về kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu; nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật cao hơn. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “cao hơn” so với yêu cầu của E-HSMT và phù hợp với thiết bị chủ đầu tư đang sử dụng.

#### **1.3. Các yêu cầu khác**

Tiến độ cung cấp được thực hiện theo nguyên tắc: Định kỳ theo kế hoạch hàng tháng, hàng hóa được cung cấp trong thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu; Trong trường hợp khẩn cấp, hàng hóa được cung cấp sớm nhất có thể, nhưng không quá 24 giờ, kể từ khi nhận được thông báo trường hợp khẩn cấp.

### **Mục 2. Bản vẽ**

Không áp dụng

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: để đảm bảo phù hợp với thiết bị chủ đầu tư đang sử dụng, chủ đầu tư có thể yêu cầu thử nghiệm để đánh giá khả năng tương thích với thiết bị chủ đầu tư đang sử dụng.

**Bảng V.1.2B. BẢNG TÓM TẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

Mã phần	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại trang thiết bị y tế (A, B, C, D)	Quy cách đóng gói	Đơn giá niêm yết (VNĐ)

**Bảng V.1.2A. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
<b>Phần 01: Bơm tiêm, dây truyền dịch, kim các loại</b>					
1	Dây nối dài dùng trong truyền dịch, bơm thuốc	Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong: 0.9 mm. Đường kính ngoài: 1.9mm - Thể tích mỗi dịch 0.6 ml - Tốc độ 0,9ml/m : Áp lực 2 bar - Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Chứng nhận EC hoặc tương đương	Cái	20	12.000
2	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.250	2.400

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
3	Dây truyền dịch	<p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</p> <p>Buồng nhỏ giọt thể tích <math>\geq 14\text{ml}</math>, có màng lọc dịch <math>\leq 15\mu\text{m}</math>.</p> <p>Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền <math>\geq 1700\text{mm}</math>.</p> <p>Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 22Gx3/4".</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	Bộ	1.000	6.000
4	Dây truyền dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Buồng nhỏ giọt trong suốt và linh hoạt</li> <li>- Bộ lọc chất lỏng trong buồng nhỏ giọt hỗ trợ giảm các hạt vật chất</li> <li>- Mũi nhọn thông khí sắc nét và dễ đục thủng</li> <li>- Ống dây mềm chống gãy gập đảm bảo tốc độ dòng đồng đều</li> <li>- Kẹp con lăn trơn tru, dễ dàng điều chỉnh tốc độ dòng chảy, an toàn</li> <li>- Vị trí tiêm flashbuld latex được thiết kế để tiêm thuốc từ từ không liên tục</li> <li>- Kim thép không gỉ size 23G x 1 " có khóa luer</li> <li>- Đếm giọt 60 giọt / ml. Chiều dài ống dây 150cm</li> <li>- Không DEHP</li> <li>- Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương</li> </ul>	Cái	10.050	7.000
5	Kim châm cứu các số	<p>Kim châm cứu vô trùng dùng một lần bao gồm thân kim và tay cầm kim:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân kim được làm bằng thép không gỉ y tế cao cấp, chống ăn mòn, kim thẳng, bộ kim thẳng và tròn, giúp chèn thoải mái, dẻo phù hợp, không có độ nhám bề mặt, mũi kim được tự động đánh bóng bằng máy, tạo độ sắc nét.</li> <li>- Tay cầm kim được cuộn bằng thép không gỉ y tế cao cấp, liên kết giữa thân kim và đầu kim được cố định chắc chắn, đốc kim tròn đều và sát nhau, không sắc cạnh và màu đồng đều.</li> <li>- Đường kính kim 0.25-0.3mm, chiều dài 13mm - 75mm</li> <li>- Kim được đóng gói vô trùng, dùng một lần.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE</li> </ul>	Cái	237.000	299

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
6	Kim lấy thuốc 18G	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	55.550	400
7	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.200	850
8	Kim chọc dò tủy sống (spinal needle)	1. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng 2. Đường kính ngoài của kim ngoài từ 1.25mm - 0.41mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát từ 4.39mm - 1.23 mm 3. Đường kính ngoài của kim thông nòng, tương ứng size 20G/21G/22G/25G/27G là 0.6mm, 0.5mm, 0.45mm, 0.3mm, 0.22mm 4. Đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn 5. Tiệt trùng EO 6. Mã code theo màu sắc để chọn lựa 7. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ Châu Âu hoặc G7. Quy cách: Gói/1 cái	cái	800	18.800
9	Kim luồn tĩnh mạch an toàn	Kim dạng có cánh, được làm bằng chất liệu FEP. Có đầu bịt an toàn bằng nhựa, ôm lấy đầu kim khi rút ra. Có khả năng lưu kim tới $\geq$ 96h. Có 3 vạch cản quang ở thân catheter. Công nghệ không dùng keo. Tấm xốp vi lọc cuối chuôi kim ngăn máu trào ngược. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Quy cách: các cỡ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	17.600	14.980

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
10	Dây truyền dịch	<p>Dây truyền dịch 20 giọt/ml màu trắng ngà không chứa DEHP. Kim thẳng 21G. Chiều dài 180cm.</p> <p>Chất liệu: Đầu nhọn chọc nút chai/Bánh lăn chỉnh giọt- nhựa ABS; Dây dẫn/Ống nhỏ giọt - nhựa PVC.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ba lỗ thông khí ở đầu mũi nhọn (spike) hạn chế xoắn xẹp chai</li> <li>- Bầu đếm giọt có hai cánh nhựa hai bên để tỷ ngón cái và ngón trỏ dễ dàng đâm xuyên nút chai.</li> <li>- Khóa chỉnh giọt có móc treo dây, hạn chế dây rớt xuống giường bệnh hoặc va chạm gây phơi nhiễm.</li> <li>- Đường kính ngoài: 3.8mm; Đường kính trong 2.8mm.</li> <li>- Chiều dài buồng nhỏ giọt: 54mm; Thể tích buồng nhỏ giọt: 8.12m<sup>3</sup></li> <li>- Đầu khóa Luer lock vận xoắn</li> <li>- Cổng tiêm thuốc chữ Y an toàn</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí E.O.</li> <li>- Tiêu chuẩn CE, ISO 13485</li> </ul>	Cái	39.000	4.100
11	Dây truyền máu	<p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng;</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Dây dài ≥1800mm làm từ chất liệu PVC y tế, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim cỡ 18Gx1 1/2'. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200µm, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml</p> <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cái	270	10.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
12	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 0,2</math>ml</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Cái	109.000	1.200
13	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Cái	149.500	850
14	Bơm tiêm đầu xoắn sử dụng một lần 50ml	<p>Xy lanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đốc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; Gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bịt piston. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 1</math>ml để tiện sử dụng cho trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Cái	1.020	5.500

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
15	Bơm tiêm cho ăn sử dụng một lần 50ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</li> <li>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn.</li> <li>- Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 1</math>ml để tiện sử dụng cho trẻ em</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố</li> </ul> <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cái	380	5.500
16	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết <math>\leq 0.03</math>ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Cái	16.620	800
<b>Phần 02: Vật tư ngoại khoa</b>					
1	Nẹp ngón tay	Gồm một miếng mousse T25 dày 5mm, một thanh nhôm dài 18 cm được dập theo khuôn có sẵn, tấm mouse được dán trực tiếp lên thanh nhôm. Nẹp nhôm ngón tay được dùng trong gãy xương đốt ngón tay.	Cái	50	19.670
2	Áo cột sống	Gồm thanh nẹp hợp kim nhôm. Băng nhám dính (khóa Velcro), vải mút mềm, thun đàn hồi. Dự phòng tôn thương cột sống thắt lưng (các số)	Cái	20	210.000
3	Đai cột sống lưng cao	*Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. *Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm (các số)	Cái	50	140.000
4	Đai cột sống	Đai cột sống (loại 1) *Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. *Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.	Cái	20	100.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
5	Bộ vật tư hút dịch chứa foam NANO kềm kháng khuẩn, kháng nấm loại nhỏ	Bộ vật tư hút dịch chứa foam NANO kềm kháng khuẩn, kháng nấm loại Nhỏ gồm - 01 Foam granufoam polyurethane, cấu trúc lỗ hổng mở 400-600 microns, hydrophobic construction không giữ nước kháng khuẩn NANO kềm (10x 7.5x3.3 cm) +-5% có thể điều chỉnh theo size vết thương. - 01 Ống dẫn lưu vết thương Nhựa ABS chống cháy có khoá và đầu nối. Có cảm biến hiển thị thông số cảm biến trên màn hình máy hút dịch. Kẹp và đầu nối gắn trên dây dẫn. Đầu hút dịch được tích hợp băng dán - 01 Tấm phủ màn dán phẫu thuật PU trong suốt - 01 Thước đo. Đóng gói từng bộ tiệt trùng bằng tia GAMMA. Chỉ sử dụng 01 lần Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. Hỗ trợ máy thiết bị đi kèm	Bộ	100	2.389.000
6	Nẹp căng chân dài	Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé ngoại nhập, chiều cao của nẹp từ 65cm-75cm, số đo vòng cổ chân < 20cm - > 30 cm, số đo vòng bắp đùi < 45 cm - > 55 cm.	Cái	10	195.000
7	Nẹp căng tay ôm ngón cái	Nẹp căng tay ôm ngón cái (trái - phải) Chức năng: giữ cố định cổ tay và ngón tay cái. Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 18-25cm	Cái	5	73.500
8	Nẹp cánh tay	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 35-45cm	Cái	10	63.000
9	Nẹp chống xoay	Nẹp Chống Xoay Dài hỗ trợ ổn định khớp cổ chân sau chấn thương, sau mổ, chống xoay ở tư thế nằm của chân chấn thương. Nẹp Chống Xoay chỉ định sử dụng gãy cổ xương đùi, sau phẫu thuật quanh ổ cối, cổ xương đùi, khớp gối cổ chân, các trường hợp chấn thương cần giữ thẳng chân và chống co đầu gối. Nẹp Chống Xoay được sản xuất từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí tạo sự thông thoáng cho người dùng. Nẹp chống xoay dài được trang bị khóa Velcro (băng nhám dính). Nẹp hợp kim nhôm chắc chắn.	Cái	20	210.000
10	Nẹp cổ cứng	Chức năng: Cố định đốt sống cổ. Chất liệu 2 mảnh mút EVA, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập.	Cái	30	98.000
11	Nẹp cổ mềm	Chức năng: Cố định đốt sống cổ. Chất liệu mút mềm, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập.	Cái	15	37.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
12	Nẹp đùi dài	Nẹp đùi dài (zimmer) Chất liệu vải mút dệt kim ngoại nhập, vải lưới thể thao cao cấp, thanh định vị bằng nhôm lớn, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé ngoại nhập	Cái	50	110.000
13	Nẹp Iselin	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp. Thanh nẹp thẳng, dễ dàng uốn cong để giữ ngón tay ở vị trí chức năng	Cái	30	18.000
14	Đai desautl (trái - phải)	Cố định, ổn định khớp vai. Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro.	Cái	30	63.000
15	Đai xương đòn các số	Chất liệu vải cotton, mút xốp, khóa Velcro các số	Cái	50	33.000
16	Lưới điều trị thoát vị	Polypropylene, kích thước 6x11 cm	Miếng	10	350.000
17	Nẹp căng chân ngắn	Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé ngoại nhập, chiều cao của nẹp từ 30 - 35cm	Cái	5	108.000
18	Nẹp căng tay dài	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, chiều dài 16-28cm, số đo vòng cổ tay < 8 cm - > 22 cm.	Cái	50	37.000
19	Nẹp căng tay gân duỗi	Nẹp căng tay gân duỗi (trái - phải) Dùng sau phẫu thuật khâu nối gân duỗi. Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	50	76.500
20	Nẹp căng tay gân gấp	Nẹp căng tay gân gấp (trái - phải) Dùng sau phẫu thuật khâu nối gân gấp. Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	50	73.500
<b>Phần 03: Vật tư chỉnh hình</b>					
1	Đinh đàn hồi (đinh dẻo), các cỡ.	Chất liệu titanium Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Đường kính 2.0; 2.5; 3.0; 3.5; 4.0mm, dài 440mm. Quy cách: Gói/ 1 cái	Cái	50	1.500.000
2	Đinh Steinmann, các cỡ.	Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Đường kính 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0 mm, dài 150 - 400 mm. Quy cách: Gói/ 10 cái	Cái	5	75.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
3	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, vít Ø3.5mm.	Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Chất liệu titanium alloy Đầu nẹp 9 lỗ, dày 3mm, rộng 20.2mm Thân rộng 12.4mm, dày 3mm, các lỗ thân 3; 4; 5; 6; 8; 10; 12 lỗ tương ứng chiều dài 90; 102; 114; 146; 178; 210; 242mm. Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất. Quy cách: Gói/ 1 cái	Cái	4	7.500.000
4	Bộ cố định ngoài dùng trong chấn thương chỉnh hình	Chế tạo bằng vật liệu thép không gỉ UNS S30400 304 (ASTM A 276-10), độ cứng Rockwell trung bình trên 28 HRC.1.2 Thanh ren 8x330mm. Chế tạo bằng vật liệu thép không gỉ UNS S30400 304 (ASTM A 276-10), độ cứng Rockwell trung bình trên 24 HRC.1.3 Thanh ren 6x180mm. Chế tạo bằng vật liệu thép không gỉ UNS S30400 304 (ASTM A 276-10), độ cứng Rockwell trung bình trên 24 HRC	Bộ	2	1.307.000
5	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay mặt trong, vít Ø2.4mm, các cỡ.	Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Chất liệu titanium alloy. Nẹp phân biệt trái/ phải. + Đầu nẹp rộng 19.5mm, 3; 4; 5; 6; 7; 8 lỗ thân tương ứng chiều dài 51; 63; 72; 81; 90; 99mm + Đầu nẹp rộng 22mm, 3; 4; 5; 6; 7; 8 lỗ thân tương ứng chiều dài 54; 66; 75; 84; 93; 102mm Đầu nẹp dùng vít khóa 2.4mm hoặc vít khóa 2.7mm Thân nẹp kết hợp dùng vít khóa đường kính 2.7mm và vít xương cứng đường kính 2.7mm Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất	Cái	4	8.500.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
6	Vít xương thuyền Ø2.5mm (Vít rỗng không đầu), các cỡ.	Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Chất liệu titanium alloy 1/Đường 2.5mm dài 8-30mm, bước tăng 2mm, đường kính mũ vít 2.8mm, đường kính lõi 1mm 2/Đường kính 3.5mm dài 16-30mm, bước tăng 2mm, đường kính mũ vít 3.7mm, đường kính lõi 1.1mm 3/Đường kính 4.0mm dài 16-50mm, bước tăng 2mm, đường kính mũ vít 4.2mm, đường kính lõi 1.7mm 4/Đường kính 5.0mm dài 20-80mm, bước tăng 5mm, đường kính mũ vít 5.3mm, đường kính lõi 1.7mm 5/Đường kính 6.5mm dài 30-100mm, bước tăng 5mm, đường kính mũ vít 6.8mm, đường kính lõi 2.2mm. Quy cách: Gói/ 1 cái	Cái	20	3.000.000
7	Vít khóa Ø2.4mm, tự tạo ren, các cỡ.	Vít khóa Ø2.4mm, tự tạo ren, lỗ vặn ngôi sao, dài 6-30mm, bước tăng 2mm. Chất liệu Thép không rỉ. Quy cách: Gói/ 10 cái	Cái	20	500.000
8	Vít khóa Ø2.4mm, tự tạo ren, các cỡ.	Vít khóa Ø2.4mm, tự tạo ren, lỗ vặn ngôi sao, dài 6-30mm, bước tăng 2mm. Chất liệu Thép không rỉ	Cái	30	500.000
9	Đinh chốt xương chày đa năng Expert, Titan	Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Chất liệu titanium alloy Đường kính 8.5; 9; 10mm dài 255; 270; 285; 300; 315; 330; 345; 360; 375mm bước tăng 15mm, đa hướng có 5 lỗ đầu gần và 4 lỗ đầu xa phù hợp với nhiều mức độ độ kết hợp thân xương chày. Đường kính lõi 4.2mm, góc nghiêng 10 độ Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất Dùng vít chốt ngang 4.5mmx24-88mm bước tăng 2mm Dùng nắp đinh tiêu chuẩn hoặc nắp đinh dài bổ sung 5; 10; 15mm	cái	10	6.200.000
10	Vít chốt ngang đinh chốt xương chày Ø4.4mm, Titan	Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Chất liệu titanium alloy Vít chốt ngang đường kính 4.5mm, dài 24-88mm, bước tăng 2mm	cái	40	500.000
11	Vít nắp đinh chốt xương chày, Titan	Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Chất liệu titanium alloy Nắp tiêu chuẩn hoặc nắp đinh dài bổ sung 5; 10; 15mm	cái	10	500.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
12	Đinh Kirschner hai đầu nhọn, các cỡ.	Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Đinh không ren, hai đầu nhọn, đường kính 1.0; 1.5; 2.0; 2.5; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0mm dài 150-300mm. Quy cách: Gói 10/ cái	Cái	400	75.000
13	Đinh chốt nội tủy xương đùi	- Chất liệu titanium. Gồm: - 01 Đinh chốt nội tủy xương đùi đa năng, trái,/phải Ø9.0/ 10/ 11/ 12mm, dài 340/ 360/ 380/ 400/ 420mm - 02 Vít chốt cổ xương đùi rộng Ø6.5mm, dài 65/ 70/ 75/ 80/ 85/ 90/ 95/ 100/ 105/ 110/ 115mm - 02 Vít chốt đầu xa Ø5.0mm, dài 30/ 35/ 40/ 45/ 50/ 55/ 60/ 65/ 70/ 75/ 80mm - 01 Vít nắp đinh chốt, dài 0/ 5/ 10/ 15mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE	Bộ	5	10.720.000
<b>Phần 04: Vật tư thận nhân tạo</b>					
1	Que thử nồng độ axit peracetic	Tương đương hàng hóa Serim® GUARDIAN™ Peracetic Acid Potency Test Strips Dùng để đo hoạt độ của acid peracetic khi ngâm dụng cụ quả lọc - <= 400 ppm: KHÔNG ĐẠT - >= 800 ppm: ĐẠT. Quy cách: Lọ 100 que	Lọ	120	650.000
2	Que thử tồn dư peroxide trong nước	Tương đương hàng hóa Serim® GUARDIAN™ Residual Peroxide. Dùng để đo tồn dư peroxide trong nước. Độ nhạy: 0 ppm, 1ppm, 3ppm, 5 ppm và 10 ppm. Quy cách: Lọ 100 que	Lọ	120	650.000
3	Ống thông tĩnh mạch trung tâm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng không chứa DEHP; dài 15 cm, thể tích mỗi 1.2 ml, chất liệu polyurethan, có dây dùng cho ECG; có chất cản quang, có ống dẫn đường (đường kính 0.89 mm x dài 50cm), kim 18G có van (1.3mm), ống nong 12F, có dây dẫn nối máy điện tim, có dao mổ, xylanh 5ml Tốc độ máu (ml/ phút): nòng xa ≥ 240 nòng gần ≥ 270. Tiêu chuẩn chất lượng TUV, EC	Cái	5	950.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
4	Bộ dây máu chạy thận nhân tạo	<p>Bộ dây chạy thận 4 trong 1 bao gồm dây động mạch và dây tĩnh mạch, dây truyền dịch, 1 transducer, túi xả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buồng nhỏ giọt: đường kính ngoài 19-30 mm; chiều dài 130mm</li> <li>- Có đầu transducer</li> <li>- Dung tích buồng nhỏ giọt: 30ml±20%</li> <li>- Đường kính dây bơm (8.0x12.2x400 mm) không rò rỉ máu</li> <li>- Dây động mạch: đường kính 4.5 x 6.8mm, dài 3.930mm, 5 nhánh nối</li> <li>- Dây tĩnh mạch: đường kính 4.5 x 6.8mm, dài 3.030mm, 2 nhánh nối</li> <li>- Thể tích mỗi: 165 ± 5% ml,</li> <li>- Có các đường dây để lấy máu và xử lý thuốc, có vị trí tiêm</li> <li>- Túi xả 2000ml</li> <li>- Dây truyền dịch</li> <li>- Tương thích với nhiều loại máy chạy thận</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485, CE</li> </ul>	Bộ	12.000	43.050
5	Kim chạy thận nhân tạo 17	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cánh bướm xoay hình thoi. Trên cánh có gờ chống trượt antislip và cỡ kim in nổi 17G, thép không gỉ SUS 304 tiêu chuẩn y tế</li> <li>- Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt</li> <li>- Thành kim siêu mỏng phủ silicone</li> <li>- Chiều dài kim: 25mm</li> <li>- Chiều dài dây nối: 30cm</li> <li>- Đầu nối với dây máu trong suốt để quan sát</li> <li>- Kẹp dạng Robert Clamp mềm mại, chắc chắn</li> <li>- Tiệt trùng ETO</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC</li> </ul> <p>Xuất xứ: Châu Âu hoặc Đông Nam Á</p>	Cái	22.000	6.700
6	Que thử độ cứng của nước	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016</p> <p>Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện.</p> <p>Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm</p> <p>Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng &gt; 120 ppm.</p> <p>Thời gian nhúng: 1 giây</p> <p>Thời gian đọc kết quả: 10 giây. Quy cách: 100 que/lọ</p>	Test	700	7.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
7	Que thử hàm lượng Clo trong nước chạy thận nhân tạo	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016</p> <p>Mục đích sử dụng:  Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu.</p> <p>Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm</p> <p>Thời gian nhúng và đọc kết quả: 30 giây. Quy cách: Lọ/100 que</p>	Test	700	8.000
8	Bộ dây chạy thận nhân tạo cho máy HDF online	<p>Dây máu dùng cho máy chạy thận nhân tạo, bằng nhựa PVC không chứa DEHP, gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch, 3 đầu đo áp lực, cổng tiêm truyền; có dây truyền dịch; có túi xả:</p> <p>Dây tĩnh mạch:  Bầu tĩnh mạch đường kính 22mm, có lưới lọc</p> <p>Dây đo áp lực PV: đường kính 3,5x5,5mm; dài 300mm, có khóa kẹp</p> <p>Dây động mạch:  Bầu động mạch đường kính 22mm. Cổng vào và cổng ra của dòng máu nằm cùng một phía chống tán huyết và tạo bọt khí.</p> <p>Dây heparin: đường kính 1,5x2,5mm; dài 600mm; có khóa kẹp</p> <p>Dây đo áp lực động mạch: đường kính 3,5x5,5mm, dài 500 mm; có khóa kẹp</p> <p>Dây đo áp lực PBE: đường kính 3,5x5,5mm, dài 200 mm, có khóa kẹp</p> <p>Dây truyền dịch: đường kính 3,0x4,1mm dài 1300 mm; Lăn tròn nhỏ điều chỉnh giọt, có bầu tiêm truyền nhỏ giọt đường kính 4,1 mm</p> <p>Túi xả: 2000ml gắn sẵn</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>Sử dụng cho máy HDF online IQ</p>	Bộ	600	294.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
9	Quả lọc thận nhân tạo Highflux	<p>Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron hoặc tương đương, không chứa Bisphenol- A(BPA), không chứa DEHP. Diện tích: <math>\geq</math> 1,7 m<sup>2</sup>.</p> <p>Thể tích môi: 105 mL.</p> <p>Hệ số siêu lọc: KUF: 74 (mL/giờ/ mmHg).</p> <p>TMP: 500mmHg.</p> <p>Độ dày thành sợi: 40 <math>\mu</math>m.</p> <p>Vỏ quả lọc: Polypropylene.</p> <p>Độ thanh thải (với Qb: 300ml/ min):</p> <p>Ure: 285 ml/min</p> <p>Creatinine : 268 ml/min</p> <p>Phosphate: 254 ml/min</p> <p>Vitamin B12: 190 ml/min</p> <p>Inulin: 121 ml/min</p> <p>Myoglobin: 98 ml/min</p> <p>Hệ số sàng lọc: Vitamin B12 = 0.989; Inulin = 0.926; Myoglobin = 0.223;</p> <p>Albumin = 0.002</p> <p>Tiệt trùng: Tia Gamma</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu hoặc các nước G7</p>	Cái	600	428.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
10	Kim chạy Thận nhân tạo 16G	<p>Kim chạy thận 16G - Kim: thép không gỉ SUS 304 tiêu chuẩn y tế - Chiều dài kim: 25mm - Đường kính trong kim: 1,45mm - Đường kính ngoài kim: 1,60mm - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt ( lỗ Back eye) - Thành kim siêu mỏng phủ silicone</p> <p>*Dây gắn với kim (AVF Tube)</p> <p>- Dây nối mềm mại, bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không chứa PYROGENIC và không LATEX - Chiều dài dây nối: 300mm</p> <p>- Đường kính trong dây: 3,5mm</p> <p>- Đường kính ngoài dây: 5,5mm</p> <p>- Đầu nối với dây máu trong suốt làm từ Polycarbonate để quan sát</p> <p>- Cánh bướm xoay, màu xanh lá. Trên cánh có gờ chống trượt anti-slip và cỡ kim in nổi</p> <p>- Đầu nối Luerlock</p> <p>- Kẹp dạng Robert Clamp mềm mại, chắc chắn</p> <p>- Tiệt trùng ETO</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC</p>	cái	1.200	6.700
11	Quả lọc thận nhân tạo Lowflux	<p>Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron hoặc tương đương, không chứa Bisphenol- A(BPA) và không chứa DEHP.</p> <p>Diện tích: <math>\geq 1.7</math> m<sup>2</sup>.</p> <p>Thể tích mỗi: 104mL.</p> <p>Hệ số siêu lọc: KUF: 18 (mL/giờ/ mmHg).</p> <p>TMP: 500mmHg. Vỏ quả lọc: Polypropylene Độ thanh thải (với Qb: 300ml/ min): Ure: 267 ml/min Creatinine : 246 ml/min Phosphate: 205 ml/min Vitamin B12: 124 ml/min.</p> <p>Tiệt trùng: Tia Gamma</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu hoặc các nước G7</p>	cái	2.000	269.000
<b>Phần 05: Bột bó, bông băng, gạc, chỉ phẫu thuật, dao mổ y tế</b>					
1	Lưỡi dao mổ	Lưỡi dao mổ hay lưỡi dao phẫu thuật vô trùng được làm từ thép carbon (Carbon Steel) hoặc thép không gỉ (Stainless Steel). Số 15. Xuất xứ Châu Âu hoặc G7 hoặc Đông Nam Á	Cái	1.200	2.700
2	Lưỡi dao mổ	Lưỡi dao mổ hay lưỡi dao phẫu thuật vô trùng được làm từ thép carbon (Carbon Steel) hoặc thép không gỉ (Stainless Steel). Số 11. Xuất xứ Châu Âu hoặc G7 hoặc Đông Nam Á	Cái	830	2.700

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
3	Lưỡi dao mổ	Lưỡi dao mổ hay lưỡi dao phẫu thuật vô trùng được làm từ thép carbon (Carbon Steel) hoặc thép không gỉ (Stainless Steel), số 10 Xuất xứ Châu Âu hoặc G7	Cái	1.600	2.700
4	Chỉ không tan tổng hợp	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 1, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 30 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	tép	150	16.000
5	Chỉ không tan tổng hợp	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 2/0, dài 75 cm,, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	tép	720	16.000
6	Chỉ không tan tổng hợp	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 3/0, dài 75 cm,, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	tép	747	16.000
7	Chỉ không tan tổng hợp	Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm, M15E16	tép	440	17.550
8	Chỉ không tan tổng hợp	Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm, M10E16	tép	200	20.939
9	Dao chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 3/0b, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm, M25E24	Tép	310	16.107
10	Dao chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24 mm; Tiêu chuẩn CE	Tép	300	27.573
11	Dao chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác, Tiêu chuẩn CE	Tép	300	29.211
12	Dao chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác; Tiêu chuẩn CE	Tép	50	31.532
13	Dao chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon. Số 8/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 6 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép	50	195.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
14	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu tròn MH-1 bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 31mm 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.	Tép	100	120.448
15	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 kháng khuẩn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn taper CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	1.700	108.535
16	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 kháng khuẩn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 2/0 dài 70cm, kim tròn đầu hình thoi MH-1 Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài 31mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	600	99.623
17	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 kháng khuẩn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	120	85.505

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
18	Chỉ thép số 7 khâu xương bánh chề	Chỉ thép Caresteel (Patella Set) số 7 khâu xương bánh chề, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120 mm	Tép	50	136.910
19	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép	2.500	28.000
20	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm	Tép	500	28.000
21	Băng cuộn y tế	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, Quy cách: 0,09m x 2m	Cuộn	4.870	1.000
22	Băng dính vô trùng không thấm nước, có gạc, cố định kim luôn	Băng dính vô trùng không thấm nước, có gạc, cố định kim luôn, size 60 x70 mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	3.100	4.180
23	Băng keo cuộn co giãn	Băng keo cuộn co giãn 15cm x 10m, chất liệu không dệt Rayon 40% + Polyester 60%, dày 0.4mm	Cuộn	250	160.000
24	Băng keo cuộn co giãn	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 10m, chất liệu không dệt Rayon 40% + Polyester 60%, dày 0.4mm	Cuộn	115	110.000
25	Băng keo lụa	Băng keo lụa, cuộn 2,5cm x 5m	Cuộn	2.177	11.050
26	Băng thun cuộn	Băng thun cuộn, kích thước 10cm x 4,5m (3 móc)	Cuộn	6.235	17.000
27	Bông y tế cắt	100% bông xơ tự nhiên. Kích thước 3cm x 3cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Gói 1 kg	Gói	318	205.000
28	Bông y tế không thấm nước	Thành phần: 100% bông xơ tự nhiên, có màu vàng ngà, không thấm nước	Kg	35	160.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
29	Bông y tế thấm nước	<p>Thành phần: Bông xơ tự nhiên (thành phần chính là Cellulose), không pha sợi polyester, các thớ bông xếp theo một chiều. Bông hút nước được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, không bị tơi, thấm hút cao, hạn chế xơ thừa bám lại. Màng bông được xử lý bằng công nghệ SPUNLACE, giúp sợi bông liên kết bền chặt, bề mặt mềm mịn; bề mặt Bông được xử lý bằng tia nước áp lực cao không xơ thừa, bụi bẩn, bụi cát, bông có màu trắng dùng trong lĩnh vực y tế, không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh, thân thiện với môi trường, có khả năng tự hủy. Không có tạp chất, chỉ có sợi bông, gồm những sợi có độ dài 1 cm – 2,8 cm. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Bông không bị đổi màu khi tiệt khuẩn bằng máy hấp hơi nước ở nhiệt độ cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bông được tẩy bằng công nghệ Hydrogen Peroxide thân thiện với môi trường, không tẩy bằng Clo</li> <li>• Khô ngang: 33cm ± 1cm</li> <li>• Kết quả thử nghiệm công nghệ Spunlace: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ bền kéo đứt: hướng 1 (N): 25,1; hướng 2 (N): 2,1</li> <li>- Độ giãn dài khi đứt: hướng 1 (%): 6,2; hướng 2 (%): 29,8</li> </ul> </li> <li>• Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cả hai dung dịch không có màu hồng)</li> <li>• Tốc độ chìm: 7s (đạt theo ngưỡng quy định ĐĐVN V &lt; 8s)</li> <li>• Khả năng hút nước (Độ hút nước): &gt;100g (5g bông hút không ít hơn 100gr nước)</li> <li>• Chất tan trong ether: không quá 0,5%</li> <li>• Chất tan trong nước: không quá 0,5%</li> <li>• Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0%</li> <li>• Tro sunfat: không quá 0.4%</li> <li>• Định tính: ngâm dung dịch kẽm clorua-iod -&gt; Sợi chuyển qua màu tím</li> <li>• Đạt tiêu chuẩn : FDA, ISO 9001:2015; ISO 13485:2016, CE, GMP.</li> </ul>	Kg	78	180.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
30	Gạc cầu sản khoa	Hình cầu, Bông hút 100% cotton được bọc kín bởi một lớp gạc y tế tạo thành cầu bông, có độ thấm hút cao. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Quy cách: Gói 1 viên.	Viên	1.000	1.995
31	Gạc meche dẫn lưu	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước: 0,75cm x 100cm x 4 lớp vô trùng. Quy cách: Gói/1 miếng	Miếng	300	2.000
32	Gạc phẫu thuật ổ bụng tiệt trùng, cản quang	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%. Kích thước: 30cm x 40cm x 8 lớp, cản quang. Tiệt trùng bằng khí EO-Gas.	Miếng	7.500	6.000
33	Gạc tắm cồn	Gạc tắm cồn (Alcohol pads) sử dụng làm sạch da trước khi tiêm và lấy mẫu xét nghiệm	Cái	6.500	182
34	Gạc phẫu thuật tiệt trùng	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%. Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp. Được tiệt trùng bằng khí EO	Miếng	22.200	600
35	Gạc Vaseline	Gạc vaseline dùng để đắp lên vết thương bị bỏng. Kích thước: 7cm x 40cm	Gói	122	22.000
36	Gạc phẫu thuật tiệt trùng	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%. Kích thước: 5cm x 6,5cm x 8 lớp. Tiệt trùng bằng khí EO-Gas	Miếng	6.850	250
37	Tăm bông y tế tiệt trùng	Que tăm bông để phết lấy mẫu dịch lỏng bên trong âm đạo. Để kết quả xét nghiệm thu được chính xác. Mỗi tăm bông được chứa trong 1 ống bảo quản. Quy cách: Gói/1 que	Gói	300	2.500
38	Gạc y tế tiệt trùng	Nguyên liệu: vải không dệt Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose, thấm nước, Quy cách: 10cm x 10cm x 6 lớp, Loại: tiệt trùng (bằng khí EO)	Miếng	75.000	600
39	Bột bó cán liền gạc	Làm từ bột thạch cao liền gạc 15cm x 4,7m (Thạch cao $\geq 97\%$ , gạc 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút	cuộn	1.200	35.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
40	Bột bó cán liền gạc	Làm từ bột thạch cao liền gạc 7,5cm x 3.6m (Thạch cao $\geq$ 97%, gạc 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút	cuộn	600	20.000
41	Miếng dán phẫu trường, 20x30cm	Kích cỡ vùng dính $28\pm 3.0 \times 30\pm 3.0$ cm, kích cỡ đầy đủ $(28\pm 3.0)\times(34\pm 3.4)$ Trong suốt, chống nước, không gây dị ứng, thoáng khí. Tay cầm: 2cm mỗi chiều Không gây phản quang trong phòng mổ. Chất liệu: - Màng film Polyurethane: $0.027\text{mm}\pm 0.005$ - Keo dính: Acrylic y tế - Dải băng PE - Giấy tách: $100\text{g}/\text{m}^2\pm 10$ Lực bám dính $180^\circ$ : 5.8-7.5N/25mm Độ dẫn dài khi đứt: 383% Độ PH: 6.8 Hao hụt khối lượng khi sấy: 1.5% Tiệt trùng bằng EO theo tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Miếng	100	35.000
42	Miếng dán phẫu trường, 28x30cm	Miếng dán phẫu trường cỡ 28x30 cm Chất liệu Polypropylene/polyurethane; có chứa i-ôt, tiệt trùng	Cái	200	90.000
43	Băng dính cuộn UgoTana	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi $44\times 18/\text{cm}^2$ . Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước đúng 2,5cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn EN ISO13485	Cuộn	875	14.000
44	Tăm bông lấy mẫu tiệt trùng	Được sử dụng để lấy mẫu, lưu trữ, truyền tải. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu lấy mẫu khác. Quy cách: 100 ống/túi.	Ống	400	1.950
45	Chỉ không tan tự nhiên	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm	Tép	45	20.800
46	Băng thun có keo cố định khớp	Băng thun có keo cố định khớp 10cm x 4.5m (Băng cuộn co giãn)	Cuộn	600	14.200

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
47	Băng Dán Có Gạc Urgosterile	Băng: Không đan dệt bằng Polyester, co giãn. Gạc: Không đan dệt, có khả năng thấm hút cao được phủ bằng lớp Polyethylene không gây dính. Keo: Acrylic có tính dung nạp qua da cao. Được đựng trong từng bao riêng và được vô trùng bằng ethylene oxide. Kích thước 10cmx8m. Quy cách: 50 miếng/ hộp.	miếng	2.000	5.538
48	Gạc lưới lipido-collloid mắt lưới nhỏ 0.5mm <sup>2</sup> , 10 x 10cm	Gạc lưới Lipido-collloid vô trùng, lưới đan dệt Polyester, tấm lipido-collloid và Vaseline, kích thước lỗ lưới nhỏ 0.5mm <sup>2</sup> , cấu trúc lưới mở, giúp thoát dịch qua gạc lưới vào băng phía trên, chuyên thay băng không đau, kích thước 10x10cm. Tiêu chuẩn CE (Tiêu chuẩn Châu Âu), ISO. Quy cách: Hộp 10 miếng.	Miếng	200	65.000
49	Gạc lưới lipido-collloid mắt lưới nhỏ 0.5mm <sup>2</sup> , 15 x 20cm	Gạc lưới Lipido-collloid vô trùng, lưới đan dệt Polyester, tấm lipido-collloid và Vaseline, kích thước lỗ lưới nhỏ 0.5mm <sup>2</sup> , cấu trúc lưới mở, giúp thoát dịch qua gạc lưới vào băng phía trên, chuyên thay băng không đau, kích thước 15x20cm. Tiêu chuẩn CE( Tiêu chuẩn Châu Âu), ISO. Quy cách: Hộp 10 miếng.	Miếng	50	120.000
50	Chỉ siêu bền	Chỉ siêu bền chất liệu Fiber UHPMWE kèm kim khâu gân. Quy cách: H / 12 cái.	cái	5	1.300.000
<b>Phần 06: Hóa chất điện giải dùng cho máy xét nghiệm điện giải ISE3000.</b>					
1	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải ISE3000. Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, pH. Quy cách: Lọ x 30ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Lọ	2	1.184.400
2	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải ISE3000. Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, pH. Quy cách: Lọ x 30ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Lọ	3	4.624.200
3	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải ISE3000. Dung dịch rửa dùng cho máy điện giải. Quy cách: Lọ x 30ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Lọ	2	1.247.400
4	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Hóa chất dùng cho máy điện giải ISE3000. Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl. Quy cách: Hộp 1 Bình (Waste, Std A: 650mL; Std B: 350mL). Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	15	8.295.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
5	Điện cực trắng máy điện giải ISE 3000	REFERENCE ELECTRODE. Phù hợp với máy điện giải ISE3000. Quy cách: Túi 1 cái Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Cái	1	9.299.880
6	Điện cực xét nghiệm Clorid máy điện giải ISE 3000	Cl- ELECTRODE Phù hợp với máy điện giải ISE3000. Quy cách: Túi 1 cái Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Cái	1	7.830.000
7	Điện cực xét nghiệm Kali máy điện giải ISE 3000	K+ ELECTRODE. Phù hợp với máy điện giải ISE3000. Quy cách: Túi 1 cái Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Cái	1	7.830.000
8	Điện cực xét nghiệm Natri máy điện giải ISE 3000	Na+ ELECTRODE. Phù hợp với máy điện giải ISE3000. Quy cách: Túi 1 cái Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Cái	1	7.830.000
9	Dây bơm dùng cho máy điện giải ISE3000	Phù hợp với máy điện giải ISE3000. Quy cách: Túi 1 cái. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Cái	2	1.299.780
10	Thuốc thử nạp điện cực Kali máy điện giải ISE 3000	Phù hợp với máy điện giải ISE3000. K Filling Solution. Quy cách: Lọ x 30ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Lọ	1	4.799.970
11	Thuốc thử nạp điện cực pH, Natri, Clorid máy điện giải ISE 3000	Phù hợp với máy điện giải ISE3000. pH Na Cl Filling Solution. Quy cách: Lọ x 30ml	Lọ	1	4.799.970
<b>Phần 07: Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Sysmex CA 620</b>					
1	Hóa chất dùng cho máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Sysmex CA 620. Cơ chế: Huyết tương sẽ được ủ với một lượng tối ưu Thromboplastin cùng với Canxi sẽ kích hoạt con đường đông máu để xác định thời gian đông. Hóa chất sử dụng cho máy đông máu tự động. Hộp (4ml x 10). Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	14	5.010.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
2	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Sysmex CA 620 Dung dịch Calcium Chloride được sử dụng làm thuốc thử bổ sung cho các xét nghiệm đông máu. Thành phần: Chất lỏng sẵn sàng sử dụng chứa: Calcium Chloride (0.025 mol/L) Lưu trữ khi chưa mở nắp ở 2 - 25 độ C. Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở 2 - 25 độ C Quy cách: Hộp (10 x 15mL) Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	3	3.659.000
3	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Sysmex CA 620 Thuốc thử dùng để xét nghiệm định lượng thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) trong huyết tương. Thành phần: Thuốc thử dạng lỏng, sẵn sàng cho sử dụng, chứa: Hỗn hợp của phosphatide đậu nành tinh chế và cephaline thô trong $1.0 \times 10^{-4}$ M ellagic acid, Chất bảo quản, Chất ổn định, Chất đệm. Lưu trữ khi chưa mở nắp ở 2 - 8 độ C . Độ ổn định của thuốc thử sau mở nắp: 7 ngày khi bảo quản ở 2-15 độ C. CV% trung bình độ tái lập tổng thể < 8 % Quy cách: Hộp (10 x 2ml) Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	15	4.990.000
4	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Sysmex CA 620. Thuốc thử xét nghiệm định lượng fibrinogen trong huyết tương. Thành phần: Thuốc thử đông khô chứa: Thrombin bò (sau hoàn nguyên: ~100 IU/mL), Chất ổn định, Chất đệm. Lưu trữ khi chưa mở nắp ở 2 - 8 độ C . Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: 5 ngày khi bảo quản ở 2 - 8 độ C, 8 giờ khi bảo quản ở 15 - 25 độ C Quy cách: Hộp (10 x 1ml) Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	14	5.169.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
5	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Sysmex CA 620 Dung dịch đệm pha loãng cho các xét nghiệm đông máu. Thành phần: Chất lỏng sẵn sàng sử dụng chứa: $2.84 \times 10^{-2}$ M Sodium barbital trong $1.25 \times 10^{-1}$ M sodium chloride pH $7.35 \pm 0.1$ . Lưu trữ khi chưa mở nắp ở 2 - 8 độ C . Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở 2 - 8 độ C Quy cách: Hộp (10 x 15mL) Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	3	2.182.050
6	Hóa chất dùng cho máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Sysmex CA 620 - Sử dụng để kiểm chuẩn giới hạn bình thường các xét nghiệm đông máu, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông bằng natri citrat - Độ ổn định sau hoàn nguyên: 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8°C (đóng nắp lọ); 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25°C (đóng nắp lọ) Quy cách: Hộp (10 x 1mL) Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	3	2.347.000
7	Hóa chất dùng cho máy phân tích đông máu	Hóa chất sử dụng cho máy đông máu tự động Sysmex CA 620. Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở dải điều trị chống đông đường uống mức cao hơn, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT. Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông citrat Độ ổn định sau hoàn nguyên: 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8°C (đóng nắp lọ). 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (đóng nắp lọ). Quy cách: Hộp x 10 lọ x 1ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	3	2.347.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
8	Hóa chất rửa kim hút cho máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất sử dụng cho máy đông máu tự động Sysmex CA 620. Sử dụng để rửa kim trên hệ thống máy đông máu tự động. Đóng gói dạng lỏng. Dung dịch có tính kiềm, nồng độ NaClO $\geq 1\%$ . Độ ổn định sau mở nắp: $\geq 1$ tháng khi bảo quản ở 2 tới 8 °C. Quy cách: Hộp x 1 lọ x 50ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Lọ	30	1.454.000
9	Hóa chất rửa kim hút cho máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Sysmex CA 620 Chất tẩy rửa cho máy xét nghiệm đông máu hoàn toàn tự động. Thành phần: Hydrochloric acid 0.16%, Chất hoạt động bề mặt không ion hóa 0.50% Lưu trữ khi chưa mở nắp ở 5 tới 35°C . Sản phẩm nên sử dụng trong vòng 2 tháng sau khi mở nắp Quy cách: Hộp (500mL x 1 chai) Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Lọ	2	2.277.076
10	Công phản ứng cho máy xét nghiệm đông máu	Ống phản ứng dùng để đựng mẫu và hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động phù hợp với máy Sysmex CA 620 Công phản ứng cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Công sử dụng một lần. Quy cách: Hộp 3000 cái Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	5	12.632.738
<b>Phần 08: Hóa chất ngoại kiểm</b>					
1	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Đông máu 5 thông số cơ bản	Dạng đông khô, thành phần 100% huyết tương người, sử dụng cho chương trình ngoại kiểm. 5 thông số Activated Partial Thromboplastin Time (aPTT) Antithrombin III (ATIII) Fibrinogen Prothrombin Time (PT) Thrombin Time (TT). Quy cách: Hộp 6 lọ x 1ml.	Hộp	2	7.701.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
2	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Sinh hóa hàng tháng	Dạng đông khô, sử dụng cho chương trình ngoại kiểm, 56 thông số ACE Acid phosphatase, prostatic Acid phosphatase, total Adjusted Calcium* Albumin ALP ALT (ALAT) Amylase, pancreatic Amylase, total AST Bicarbonate Bile acids Bilirubin, direct Bilirubin, total Calcium, ionised Calcium, total Chloride Cholinestase UIBC Cholesterol CK, total (CPK) Copper Creatinine D-3-hydroxybutyrate EGFR* Fructosamine Free T3 Free T4 Gamma GT GLDH Glucose HBDH HDL-Cholesterol Iron Lactate LD (LDH) LDL Cholesterol* Lipase Lithium Magnesium NEFA Non-HDL Cholesterol* Osmolality Phosphate, inorganic Potassium Protein, total PSA Sodium TIBC Total T3 Total T4 Triglycerides TSH Urea Uric acid Zinc. Quy cách: Hộp 6 lọ x 5ml.	Hộp	2	8.400.000
3	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Huyết Học	Dạng lỏng, thành phần 100% máu người toàn phần, sử dụng cho chương trình ngoại kiểm. 11 thông số Haemoglobin (Hb) Mean Cell Volume (MCV) Mean Cell Haemoglobin Concentration (MCHC) Red Blood Cell Count (RBC) Mean Platelet Volume Plateletcrit Haematocrit (HCT) Mean Cell Haemoglobin (MCH) Platelets (PLT) Total White Blood Cell Count (WBC) Red Cell Dist. Width. Quy cách: Hộp 3 lọ x 2ml.	Hộp	4	4.302.000
<b>Phần 09: Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học MEK9100</b>					
1	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học MEK 9100 Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 7.0 đến 7.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride: < 3.0%, Cetrimonium chloride: < 0.1%, Citric acid monohydrate: < 2.0% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE Quy cách: Can 250ml Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. Quy cách: Can 250 ml.	Can	12	2.900.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
2	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học MEK 9100 Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.11% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE Quy cách: Can 250ml Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Can	12	3.250.000
3	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học MEK 9100 Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh dương Mùi: nhẹ Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.069% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE Quy cách: Can 2 lít Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Can	12	3.200.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
4	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	<p>Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học MEK 9100  Trạng thái vật lý: chất lỏng  Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá  Mùi: khó chịu (clo)  Độ pH: 10 đến 13  Tính tan: tan trong nước  Thành phần: Sodium hypochlorite: 6.1%, Sodium hydroxide &lt;0.5%  Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C  Độ ổn định sau khi mở nắp: chỉ dùng 1 lần  Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE  Bộ: 3*15ml  Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu</p>	Bộ	4	4.600.000
5	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	<p>Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học MEK 9100  Trạng thái vật lý: chất lỏng  Màu: không  Mùi: không  Độ pH: 7.35 đến 7.55  Tính tan: tan trong nước  Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97%  Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C  Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày  Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE  Quy cách: Can 18 lít  Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu</p>	Can	48	2.600.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
6	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học MEK 9100 Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE Quy cách: Lọ 3ml Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Lọ	6	3.710.000
7	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học MEK 9100 để hiệu chuẩn máy	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học MEK 9100 Dùng để hiệu chuẩn máy phân tích huyết học Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 7 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE Lọ 2 ml Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Lọ	4	3.720.000
8	Phin lọc cho máy huyết học MEK 9100	Mật độ: 0.9 g/cm <sup>3</sup> Đàn hồi kéo: 1400 MPa Độ bền kéo: 33 MPa Hệ số uốn: 1400 MPa Độ bền uốn: 40 Mpa Nhiệt độ biến dạng: 85°C Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. Quy cách: Hộp 10 chiếc	Chiếc	2	170.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
9	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học MEK 9100 để nội kiểm mức thấp	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học MEK 9100 Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE Lọ 3ml Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Lọ	4	3.710.000
10	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học MEK 9100 để nội kiểm mức cao	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học MEK 9100 Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, Lọ 3 ml Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Lọ	4	3.710.000
<b>Phần 10: Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học XN350</b>					

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
1	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	Hóa chất phù hợp với máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN350 Công dụng: dùng để đo số lượng và kích thước của hồng cầu và tiểu cầu bằng nguyên lý tập trung dòng chảy thủy động học (Phát hiện DC). Với việc bổ sung thuốc thử ly giải được chỉ định để xác định nồng độ huyết sắc tố, sản phẩm cũng có thể được sử dụng để phân tích nồng độ huyết sắc tố. Ngoài ra thuốc thử còn có thể được sử dụng làm dòng bao cho buồng đo FCM. Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02% Quy cách: Thùng/ Hộp (20L x 1) Hàng hóa xuất xứ G7 hoặc Đông Nam Á	Thùng	90	3.352.000
2	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	Hóa chất phù hợp với máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN350 Công dụng: thuốc thử được kết hợp và sử dụng với chất nhuộm Fluorocell WDF. Bằng cách làm ly giải hồng cầu bằng Lysercell WDF và nhuộm thành phần bạch cầu bằng Fluorocell WDF, số lượng và tỷ lệ phần trăm bạch cầu trung tính, bạch cầu lympho, bạch cầu mono và bạch cầu ái toan sẽ được phân tích. Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17% Quy cách: Thùng (5L x 1) Hàng hóa xuất xứ G7 hoặc Đông Nam Á	Thùng	20	12.420.000
3	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	Hóa chất phù hợp với máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN350 Công dụng: được sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9% Quy cách: Hộp (42mL x 2) Hàng hóa xuất xứ G7 hoặc Đông Nam Á	Hộp	12	41.583.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
4	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	Hóa chất phù hợp với máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN350 Công dụng: sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu Bảo quản: 1 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1.7 g/L Quy cách: Hộp (500mL x 3) Hàng hóa xuất xứ G7 hoặc Đông Nam Á	Hộp	18	5.800.000
5	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất phù hợp với máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN350 Công dụng: một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học tự động, máy chuẩn bị lam huyết học tự động. Bảo quản: 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Thành phần: Sodium Hypochloride (nồng độ chlorine hoạt tính 5.0%) Quy cách: Hộp (4mL x 20) Hàng hóa xuất xứ G7 hoặc Đông Nam Á	Hộp	5	3.135.000
6	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 46 thông số huyết học dùng cho máy xét nghiệm huyết học XN350	Hóa chất phù hợp với máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN350 Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị 55 thông số báo cáo Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới và hồng cầu còn nhân (NRBC). Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu ở người, tế bào bạch cầu ở người, hồng cầu nhân và tiểu cầu được ổn định trong môi trường có chất bảo quản Quy cách: Lọ/ Ống (3,0mL x 1) Hàng hóa xuất xứ G7 hoặc Đông Nam Á	Lọ	5	4.000.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
7	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 46 thông số huyết học dùng cho máy xét nghiệm huyết học XN350	Hóa chất phù hợp với máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN350 Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị 55 thông số báo cáo Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC) , tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới và hồng cầu còn nhân (NRBC). Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu ở người, tế bào bạch cầu ở người, hồng cầu nhân và tiểu cầu được ổn định trong môi trường có chất bảo quản Quy cách: Lọ/ Ống (3,0mL x 1) Hàng hóa xuất xứ G7 hoặc Đông Nam Á	Lọ	10	4.000.000
8	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 46 thông số huyết học	Hóa chất phù hợp với máy xét nghiệm huyết học Sysmex XN350 Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị 55 thông số báo cáo Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC) , tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới và hồng cầu còn nhân (NRBC). Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu ở người, tế bào bạch cầu ở người, hồng cầu nhân và tiểu cầu được ổn định trong môi trường có chất bảo quản Quy cách: Lọ/ Ống (3,0mL x 1) Hàng hóa xuất xứ G7 hoặc Đông Nam Á	Lọ	5	4.000.000
9	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	Công dụng: Chất hiệu chuẩn và xác nhận hiệu chuẩn của máy huyết học cho các thông số WBC, RBC, HGB, HCT, PLT, RET Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 4 giờ ở 2 - 8 độ C Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu của người đã được ổn định, tế bào bạch cầu của người, tiểu cầu và thành phần hồng cầu nhân trong môi trường có chất bảo quản Quy cách: Lọ/ Ống (3,0mL x 1) Hàng hóa xuất xứ G7 hoặc Đông Nam Á	Lọ	2	6.500.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
<b>Phần 11: Phim XQ dùng cho máy in phim DRYSTAR AXYS</b>					
1	Phim X-Quang y tế 20x25cm	Kích cỡ: 20X25cm - Phim khô, độ tương phản cao, rõ nét với in ấn y tế thang xám trên nền PET có độ dày 168µm - Mật độ quang học tối đa $\geq 3.1$ - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hồng Phim) bởi ánh sáng ban ngày - Sử dụng cho các dòng máy in phim X-quang y tế Agfa. Máy in DRYSTAR AXYS Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Tám	35.000	17.500
2	Phim X-Quang y tế 35x43cm	Kích cỡ: 35X43cm - Phim khô, độ tương phản cao, rõ nét với in ấn y tế thang xám trên nền PET có độ dày 168µm - Mật độ quang học tối đa $\geq 3.1$ - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hồng Phim) bởi ánh sáng ban ngày - Sử dụng cho các dòng máy in phim X-quang y tế Agfa. Máy in DRYSTAR AXYS Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Tám	10.000	46.800
<b>Phần 12: Phim XQ dùng cho máy in phim Konica Drypro Sigma / Drypro Sigma2.</b>					
1	Phim X-Quang y tế 20x25cm	- Kích thước: (20 x 25)cm – (8 x 10) inch. - Quy cách: 125 tấm/hộp - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC - Thành phần chính : Polyethylene terephthalate 80 - 90%; Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer 1 - 5%; Docosanoic acid, silver (+1) salt 1 - 5%; Cellulose, acetate butanoate < 5%. - Được dùng cho máy in kỹ thuật số Konica Drypro Sigma / Drypro Sigma2. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Tám	15.000	18.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
2	Phim X-Quang y tế 35x43cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (35 x 43)cm – (14 x 17) inch.</li> <li>- Quy cách: 125 tấm/hộp</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC</li> <li>- Thành phần chính : Polyethylene terephthalate 80 - 90%; Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer 1 - 5%; Docosanoic acid, silver (+1) salt 1 - 5%; Cellulose, acetate butanoate &lt; 5%.</li> <li>- Được dùng cho máy in kỹ thuật số Konica Drypro Sigma / Drypro Sigma2.</li> <li>Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu</li> </ul>	Tấm	10.000	39.000
<b>Phần 13: Khí y tế</b>					
1	Oxy y tế	Khí Oxy dùng trong y tế. Bình 40 lít, 6m3 (6.000 lít khí)	Bình	4.068	85.000
2	Khí Carbonic y tế	Khí Carbonic dùng trong y tế. Bình 40 lít (nạp 25kg)	Bình	15	300.000
<b>Phần 14: Mask thở, dây thở, ống nhựa, ống cao su các loại</b>					
1	Mask khí dung các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung.</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2.1</math>m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn.</li> <li>- Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân.</li> <li>- Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.</li> <li>- Các cỡ: S, M, L, XL.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485</li> </ul>	Cái	3.500	16.000
2	Mask Oxy có túi các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn.</li> <li>- Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2.1</math> m, lòng ống có khóa chống gập</li> <li>- Các cỡ: S, M, L, XL.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul>	Cái	510	16.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
3	Ống sonde dạ dày	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	260	3.500
4	Cây nòng đặt nội khí quản	Cây nòng đặt nội khí quản (Bougie) Size: 6; 10; 14	Cái	5	95.000
5	Ống đặt nội khí quản có bóng chèn các số	Được làm từ chất liệu PVC mềm, hạn chế nguy cơ chấn thương. Lò xo giúp ống không bị gập lại gây tắc nghẽn khi bệnh nhân co cơ lại. Kích thước: Size 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5. Quy cách: Hộp 10 cái	Cái	505	13.000
6	Ambu bóp bóng giúp thở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Bóp bóng trẻ em / Trẻ sơ sinh dùng nhiều lần</li> <li>- 01 Mask thở số 3 / số 0</li> <li>- 01 Bộ Airway số 60,70,80 / 40, 50, 60</li> <li>- 01 Túi chứa khí</li> <li>- 01 Dây dẫn oxy</li> <li>- 01 Hộp đựng bằng nhựa</li> </ul>	Bộ	5	190.000
7	Ambu bóp bóng giúp thở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 bóp bóng bằng PVC 1630ml cho người lớn, 680ml cho trẻ em và 340ml cho sơ sinh. Không chứa Latex</li> <li>- 1 Mặt nạ theo size tương ứng, 01 Túi trộn khí Oxy 2000ml cho người lớn, 1600ml cho trẻ em và sơ sinh.</li> <li>- 1 Dây dẫn Oxy 200cm. Có van điều chỉnh áp lực 60 cmH2O cho người lớn. đối với trẻ em và sơ sinh là 40cmH2O.</li> <li>- Các size khác nhau dùng cho các đối tượng khác nhau (người lớn, Trẻ em, sơ sinh).</li> <li>- Ambu bóp bóng bằng tay dùng để hỗ trợ thông khí khi cấp cứu cho bệnh nhân mà không có sự hỗ trợ của các loại máy thở.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Cái	11	180.000
8	Airway các số	Được làm từ polyethylene không độc, các số	Cái	210	4.500
9	Ống thông tiểu Foley 2 nhánh	Chất liệu silicon hoặc cao su, trơn láng, mềm dẻo không gây dị ứng, không gây tổn thương mô. Có 2 nhánh, dùng để thông tiểu. Đóng gói tiệt trùng từng cái. Các cỡ	Cái	1.120	14.300

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
10	Mặt nạ thanh quản 2 nòng I-gel các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất liệu : medical grade thermoplastic elastomer (đàn hồi nhiệt dẻo y tế), non+pvc, non+latex</li> <li>+ Sản phẩm được vô trùng (Sterile).</li> <li>+ Trọng lượng tương ứng từ size 1+&gt; 5: 12,4g / 20,4g / 32g / 49,9g / 47,3g / 58,6g / 72,2g.</li> <li>+ Không cần bơm hoặc rút khí khi đặt.</li> <li>+ Chỉ dùng gel bôi trơn khi sử dụng.</li> <li>+ Thời gian đặt thấp hơn 20 giây rất nhanh và gọn,.</li> <li>+ Mask đảm bảo kín khí và màu sắc nhận diện riêng biệt từ size 1; 1.5; 2; 2.5; 3; 4; 5.</li> <li>+ Có nòng dạ dày thứ 2 thiết kế bên trong lòng ống giúp hút dịch trong cùng lúc bệnh nhân vẫn thở ( tương ứng với 3 size 3/4/5 là dây hút dịch size 12/12/14).</li> <li>+ Thở tích bên trong tương ứng 3 size 3/4/5 là 22.6ml / 26.5ml/ 34ml.</li> <li>+ Thiết kế lá chắn nằm cuối mask ngăn không cho nắp thanh quản rơi xuống làm cản trở đường thở.</li> <li>+ Mask dạng bản cố định không bị xoay khi đặt và kết hợp chống bệnh nhân cắn ống làm ảnh hưởng đến đường thở thay cho airway miệng.</li> <li>+ Trên thân ống thể hiện số kg và size cho từng bệnh nhân và thể hiện vạch tối đa khi đặt.</li> <li>+ Co nối: 15mm.</li> </ul> <p>Xuất xứ G7 hoặc Châu Âu</p>	Cái	20	650.000
11	Ống nối dây thở (Ống nặng)	Sản phẩm sử dụng một lần; đã được tiệt trùng bằng EO.	Cái	80	178.000
12	Tấm trải nilon	Màng Nylon HD Tấm trải 100 x 130cm	Cái	2.900	5.500
13	Túi đo lượng máu sau sinh	Dung tích 2000ml. Chất liệu: màng nhựa PE trong. - Kích thước: 1.050mm x 700mm. - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng- Tiệt trùng bằng khí OE- Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	1.300	7.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
14	Túi đựng nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại.</li> <li>- Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu.</li> <li>- Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC.</li> <li>- Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>	Cái	1.020	6.000
15	Túi bệnh phẩm nội soi	<p>Nguyên liệu : nhựa PE nguyên sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc : màu trắng trong.</li> <li>- Phần thiết kế túi khá đặc biệt, giúp túi dễ dàng thao tác trong phẫu thuật nội soi cắt mô bằng máy bào mô.</li> <li>- Phần miệng túi có dây cột miệng rút để thuận lợi trong sử dụng.</li> <li>- Đóng gói bao giấy chuyên dụng trong y tế</li> <li>- Được tiệt trùng bằng khí E.O Gas.</li> </ul> <p>Kích thước: 15cm*19cm</p>	Cái	300	34.650
16	Ống đặt nội khí quản lò xo có bóng	<p>Ống đặt nội khí quản lò xo có bóng các cỡ</p> <p>Chất liệu nhựa PVC, không bẹp.</p>	Cái	20	98.000
17	Găng khám bệnh có bột	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiệt trùng, chỉ sử dụng 1 lần và thuận cả 2 tay. Bề mặt nhẵn toàn bộ bên ngoài găng hoặc nhám ngón, có phủ bột, chiều dài 220mm-240mm (theo size)	Đôi	148.600	1.100
18	Găng tay phẫu thuật	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...) tiệt trùng bằng khí EO. Găng loại có phủ bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám.	Đôi	68.200	3.200

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
19	Ống thông tiểu Nelaton	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ống thông tiểu niệu đạo ngắn hạn cho nam giới</li> <li>• Ống PVC chống xoắn, mềm mại và mờ.</li> <li>• Đầu ống đóng kín, tròn, mềm không gây tổn thương, với hai mắt bên để thoát nước hiệu quả</li> <li>• Đầu kết nối được mã hóa theo màu để dễ dàng xác định kích thước</li> <li>• Chiều dài: 40cm</li> <li>• Tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu</li> <li>• Kích thước: 30011: 8FG 30012: 10FG 30013: 12FG 30014: 14FG 30015: 16FG 30016: 18FG 30018: 22FG 30019: 24FG</li> </ul>	Cái	520	4.800
20	Túi máu đơn 250ml	Có cấu trúc gồm 1 túi dung tích 250ml Túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1.	Túi	20	40.000
21	Mặt nạ gây mê	Mặt nạ (mask) gây mê 100% silicone y tế, không gây dị ứng, không mùi Sử dụng nhiều lần Phù hợp với tất cả bệnh nhân Kích cỡ :1 -5	Cái	50	25.000
22	Bao dây đốt nội soi	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. - Kích thước: 7.5cm x 235cm - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. - Tiệt trùng bằng khí EO. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	2.500	7.000
23	Dây đeo tay bệnh nhân	Dây đeo tay bệnh nhân. Kích thước: Adult, child	Cái	2.550	2.000
24	Dây Garo	Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:2	Cái	270	3.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
25	Dây hút dịch (nhót)	<p>Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài <math>\geq 55</math>cm. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p> <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cái	3.265	2.900
26	Dây hút dịch phẫu thuật	<p>Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo</p> <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Sợi	3.050	11.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
27	Dây máy thở gây mê cho trẻ em	<p>Dây thở sử dụng 1 lần dùng cho máy mê, chất liệu PP, PE, EVA, TPE,SAN, POM, CR, thép không gỉ</p> <p>Với chiều dài dây thở 180cm. Co (cút) nối chữ Y có cổng trích khí lấy mẫu (cổng Luer-Lock) kèm có nắp đậy bảo vệ, giúp trích mẫu thuận tiện và an toàn.</p> <p>Trở kháng tại 60L/phút, 30L/ phút, 15L/ phút, 5L/ phút, 2,5L/ phút lần lượt là &lt;4.9mbar, &lt;1.0mbar. &lt;0.3mbar, &lt;0.1mbar, &lt;0.1mbar</p> <p>Độ giãn nở tại 60mbar và 30mbar là &lt; 1 ml/mbar và &lt; 1 ml/mbar</p> <p>Rò rỉ tại 60mbar là &lt;50ml/phút.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ bóng bóp giúp thở có thể tích 1 lít</li> <li>- 01 co nối ( Adapter) tiêu chuẩn : 22mm/22mm ( dùng để nối bóng thở và dây bóng thở có chiều dài 150cm)</li> </ul> <p>Trở kháng tại 60L/phút và 30L/ phút là &lt;1.6 mbar và 0.4 mbar</p> <p>Độ giãn nở tại 60mbar và 30mbar là &lt;0.3 mL/mbar và &lt; 0.3 mL/mbar</p> <p>Rò rỉ tại 30mbar là &lt;5 mL/phút</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chứng chỉ CE/ FDA/ISO</li> <li>-Chứng chỉ ISO 80601-2-13: chứng chỉ về kết nối các thiết bị và phụ kiện, vật tư chặt chẽ đảm bảo hệ thống kết nối và vận hành hoàn hảo trong phòng mổ, phòng hồi sức.</li> </ul> <p>Có chứng chỉ kiểm tra khả năng tương thích với một số thiết bị máy mê máy thở.</p>	Bộ	10	335.000
28	Dây nối bơm tiêm điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn.</li> <li>- Đường kính trong <math>\leq 0,9</math> mm</li> <li>- Đường kính ngoài <math>\leq 1,9</math>mm</li> <li>- Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm</li> <li>- Tốc độ <math>\geq 0,9</math>ml/phút; áp lực <math>\geq 2</math> bar</li> <li>- Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng)</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Cái	980	6.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
29	Dây thở cho máy gây mê	<p>Cung cấp oxy dòng cao qua mũi dành cho bệnh nhân người lớn, trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài 450mm</li> <li>- Dây thở có vòng xoắn kép gia nhiệt và chất liệu chuyên biệt (Ethylene vinyl acetate- EVA, Thermoplastic Elastomeres- TPE; Polyethylene- PE), không chứa DEHP, PVC.</li> <li>- Đầu nối xoay thuận tiện, có kẹp giữ ống làm giảm sức căng lên bộ dây thở</li> <li>- Gọng mũi làm bằng silicone mềm và phù hợp giải phẫu của mũi</li> <li>- Ống mềm co giãn và thoáng khí giảm thiểu ngưng tụ hơi nước</li> <li>- Dây đai cố định đầu có bề mặt tiếp xúc lớn ở sau đầu và chất liệu mềm mại mang lại sự thoải mái cho bệnh nhân. Khóa dính đảm bảo điều chỉnh dễ dàng kích thước của dây đai.</li> <li>- Kích cỡ: S/ M/ L</li> <li>- Trọng lượng 30g</li> </ul> <p>Kháng lực thì thở vào ở mức 40 l/phút &lt; 15 mbar (hoặc cmH2O) (cỡ S), &lt;10 mbar (hoặc cmH2O) (cỡ M), &lt; 5 mbar (hoặc cmH2O) (cỡ L),</p> <p>Phạm vi lưu lượng &lt; 60 l/phút khi sử dụng van xả áp: &lt; 50 l/phút</p> <p>Chứng chỉ ISO 80369-1: Small-bore connectors for liquids and gases in healthcare applications - chứng chỉ về kết nối chặt chẽ các cơ nối nhỏ với các thiết bị đảm bảo hệ thống kết nối và vận hành hoàn hảo trong phòng mổ, phòng hồi sức.</p> <p>Chứng chỉ ISO 5356-1: Anaesthetic and respiratory equipment - Conical connectors - Part 1: Cones and sockets: - chứng chỉ về khớp nối, rãnh khía chặt chẽ của vật tư với các thiết bị đảm bảo hệ thống kín, khí thông khí tối ưu.</p> <p>Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC), Evita, Savina (Với "O2 therapy" mode)</p>	Cái	50	967.500

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
30	Dây thở Oxy 2 nhánh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi</li> <li>- Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn.</li> <li>- Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu</li> <li>- Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2.3</math> m, lòng ống có khía chống gập.</li> <li>- Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Bộ	2.320	6.000
31	Khóa ba ngã có dây nối 25cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock.</li> <li>- Có dây nối dài 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng.</li> <li>- Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ.</li> <li>- Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Cái	1.210	6.000
32	Khóa 3 ngã có dây 50cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khóa 3 ngã có dây dài 50cm phù hợp với tất cả hệ thống truyền dịch</li> <li>- Tương thích sinh học, không rò rỉ, không gây sốt (pyrogenic)</li> </ul>	Cái	1.050	7.000
33	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tip mềm, giảm tổn thương mạch máu khi chèn</li> <li>- Chất liệu y tế đảm bảo sự an toàn ở mức độ cao nhất</li> <li>- Ống thông mềm đi ở nhiệt độ cơ thể</li> <li>- Vật liệu cản quang</li> <li>- Dây dẫn nitinol chống xoắn</li> <li>- Gồm: Ống thông, nong, dây dẫn, bơm tiêm, kim luôn chữ Y, dao mổ, kẹp, nắp tiêm, chỉ liên kim</li> <li>- Là loại catheter 1 nòng</li> <li>- Kích thước: 4F, 5F, 7F, 8F, 11.5F, 12F</li> <li>- Chất liệu ống thông: Thân catheter: PU, đầu nối vặn xoắn: PC, đầu nối cánh PU, kẹp khoá: ABS; Chất liệu dao mổ: Lưỡi dao: 6Cr13FSS, cán dao: ABS757</li> </ul>	Bộ	20	500.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
34	Mặt nạ giúp thở CPAP	Sử dụng trong máy thở không xâm lấn, CPAP, thiết bị Bi-PAP. * Mask 100% silicone y tế không mùi, chống dị ứng. Thiết kế chống rò rỉ. Lượng oxy đi vào gấp 2 lần * Miếng đệm silicone hỗ trợ điều chỉnh ở đầu, công thở ra bên trong và bên ngoài. Có thể hoán đổi đầu nối cho nhau * Bộ phận khác bằng Polycarbonate mềm dẻo không vỡ * Mũ đội đầu bằng cao su tổng hợp * Có nối xoay 360 độ, ống 22mm * Áp suất trị liệu 4 cmH2O đến 20 cmH2O * Có thể tái sử dụng, hấp tiệt trùng ở $\geq 121$ độ C/20 phút. Khử trùng bằng EO * Kích thước: nhỏ, trung bình, lớn. Loại bán thông khí (semivent)	Cái	20	1.362.900
35	Ống đặt nội khí quản không bóng	Không có bóng chèn, các số. Đầu ống vát, có cản quang.	Cái	10	13.000
36	Ống thông Foley 3 nhánh	Ống thông tiêu 3 nhánh. Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da	Cái	20	19.500
37	Bao dây camera nội soi	chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. - Kích thước: 10cm x 235cm - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. - Tiệt trùng bằng khí EO. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	300	7.000
38	Giấy in máy đo chức năng hô hấp AS-507	Giấy in sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp model AS-507	Cuộn	2	11.500
39	Ống hút điều kinh	Công dụng: Ống hút điều kinh Tiệt trùng từng cái Kích cỡ: Số 4, 5, 6 Quy cách: Gói 10 cái	Cái	100	4.160
<b>Phần 15: Hóa chất dùng cho máy miễn dịch</b>					

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
1	Sinh phẩm định lượng FT3 bằng phương pháp Elisa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm Elisa ETI-MAX 3000. Xét nghiệm dùng để xác định định lượng nồng độ Free Triiodothyronine trong huyết thanh Tổng thời gian ủ 75 phút ở nhiệt độ phòng, Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-630nm trong vòng 30 phút sau khi thêm dung dịch dùng phản ứng Độ nhạy: 0.410 pg/ml. Độ chính xác: Hệ số tương quan = 0.902 Độ ổn định: từ 2-8°C trong 18 tháng Quy cách: 96 test/hộp Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.364.515
2	Sinh phẩm định lượng FT4 bằng phương pháp Elisa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm Elisa ETI-MAX 3000. Xét nghiệm dùng để xác định định lượng nồng độ Thyroxine tự do trong huyết thanh hoặc huyết tương Tổng thời gian ủ 75 phút ở nhiệt độ phòng, Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-630nm trong vòng 30 phút sau khi thêm dung dịch dùng phản ứng Độ nhạy: 0.162 ng/dl. Độ chính xác: Hệ số tương quan = 0.920 Độ ổn định: từ 2-8°C trong 18 tháng Quy cách: 96 test/hộp Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.364.515
3	Sinh phẩm định lượng TSH bằng phương pháp Elisa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm Elisa ETI-MAX 3000. Xét nghiệm dùng để xác định định lượng nồng độ Thyrotropin trong huyết thanh bằng xét nghiệm miễn dịch enzyme, đo màu Tổng thời gian ủ 75 phút ở nhiệt độ phòng, Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-630nm trong vòng 30 phút sau khi thêm dung dịch dùng phản ứng Độ nhạy: Trong 1 giờ ủ = 0.078 $\mu$ IU/ml Trong 2 giờ ủ = 0.027 $\mu$ IU/ml Độ chính xác: Hệ số tương quan = 0.995 Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với hFSH, hLH, hCG Độ ổn định: từ 2-8°C trong 18 tháng Quy cách: 96 test/hộp Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.364.515

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
4	Bộ xét nghiệm kháng thể kháng Toxocara canis (Giun đũa chó mèo)	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm Elisa ETI-MAX 3000. Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgG kháng Toxocara (giun đũa chó-mèo) trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Tỉ lệ pha loãng: 1:64 Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Độ nhạy: 87.5% Độ đặc hiệu: 93.3% Quy cách: 96 test/hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	15	3.898.125
5	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm chuyên dùng trong các máy xét nghiệm Elisa	Dùng để hút mẫu bệnh phẩm chuyên dùng trong các máy xét nghiệm Elisa, 300µl	Cái	35.520	3.500
6	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm chuyên dùng trong các máy xét nghiệm Elisa	Dùng để hút mẫu bệnh phẩm chuyên dùng trong các máy xét nghiệm Elisa, 1100µl	Cái	7.680	3.800
7	Kit xét nghiệm Clonorchis IgG ELISA Kit (sản lá gan nhỏ)	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgG kháng Clonorchis trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Tỉ lệ pha loãng: 1:100 Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 92% Quy cách: 96 test/hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.898.125
8	Kit xét nghiệm Paragonimus IgG ELISA Kit (sản lá phổi ký sinh giun dẹp)	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgG kháng Paragonimus (Sản lá phổi) trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Tỉ lệ pha loãng: 1:100 Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng Độ nhạy: 95% Độ đặc hiệu: 100% Quy cách: 96 test/hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.898.125

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
9	Kit xét nghiệm Gnathostoma IgG ELISA Kit (giun đầu gai)	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgG kháng Gnathostoma (giun đầu gai) trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Tỉ lệ pha loãng: 1:100 Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng Độ nhạy: 93% Độ đặc hiệu: 100% Quy cách: 96 test/hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.898.125
10	Bộ xét nghiệm Cysticercosis IgG (Ấu trùng sán dải heo)	Dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG huyết thanh kháng Taenia solium trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Tỉ lệ pha loãng: 1:64 Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Độ nhạy: 88% Độ đặc hiệu: 96% Quy cách: 96 test/hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.898.125
11	Bộ xét nghiệm kháng nguyên Entamoeba histolytica	Dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG kháng E. histolytica trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Tỉ lệ pha loãng: 1:64 Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100% Quy cách: 96 test/hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.898.125

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
12	Bộ xét nghiệm kháng thể kháng Fasciola (Sán lá gan lớn)	Dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh kháng Fasciola trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Tỉ lệ pha loãng: 1:100 Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100% Quy cách: 96 test/hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.898.125
13	Bộ xét nghiệm kháng thể kháng Strongyloides stercoralis (Giun lươn)	Dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides (giun lươn) trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Tỉ lệ pha loãng: 1:64 Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100% Quy cách: 96 test/hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Hộp	12	3.898.125
<b>Phần 16: Kit xét nghiệm HbA1c</b>					
1	Hóa chất định lượng in vitro của hemoglobin glycated (HbA1c)	Pocketchem A1c Test Kit được sử dụng để xác định định lượng in vitro của hemoglobin glycated (HbA1c) trong máu toàn phần, sử dụng với Máy phân tích Pocketchem A1c Có quy cách: Hộp (50 que lấy mẫu, 50 lọ hóa chất) Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	45	4.000.000
<b>Phần 17: Kít tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP</b>					

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
1	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP	<p>Bộ kit tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu PRP VATRACY</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ống nghiệm lấy máu chân không ACD + gel với thể tích thân ống 8,5ml: 03 ống. Kết hợp với kim lấy máu chân không để thu nhận máu ngoại vi, tách chiết thu nhận 10-12 ml PRP và PPP. Sử dụng cho tiêm 2 vị trí.</li> <li>• Bộ dụng cụ hỗ trợ đi kèm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim lấy máu chân không: 01 cái</li> <li>- Bông tăm cotton: 02 miếng</li> <li>- Giá đỡ ống nghiệm chân không: 01 cái</li> <li>- Băng dán cá nhân: 02 miếng</li> <li>- Bơm tiêm 10ml đầu xoắn: 02 cái</li> <li>- Bơm tiêm 5ml có kèm kim: 2</li> <li>- Đầu kim dài 18G dùng để chọc hút dung dịch: 01 cái</li> <li>- Màng lọc vô trùng (phin lọc protein): 01 cái</li> <li>- Ống nối vô trùng: 01 cái</li> <li>- Eppendorf: 04 cái</li> </ul> </li> <li>• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.</li> </ul> <p>Hàm lượng nội độc tố &lt; 0.5 EU/ml. Ống đạt chứng nhận CE Châu Âu.</p>	Bộ	700	2.300.000
<b>Phần 18: Vật tư, hóa chất Kiểm soát nhiễm khuẩn</b>					

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
1	Dung dịch Khử khuẩn Mức độ Cao ortho-Phthalaldehyde	<p>'Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp.</li> <li>- Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy), có que thử.</li> <li>- Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon)</li> <li>- Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis), theo các tiêu chuẩn: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14563, EN 14476</li> <li>- Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy.</li> <li>- Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS. Quy cách: Can/3,78L</li> </ul>	Can	90	891.030
2	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, thành phần: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút.</li> <li>- ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8 ngăn không để lại tồn lưu, giúp dụng cụ được khử khuẩn hiệu quả, hương bạc hà dễ chịu, át được mùi của dụng cụ bẩn, không gây ăn mòn dụng cụ</li> <li>- Đi sâu và làm sạch các vị trí khó tiếp cận như các khe ống nội soi, đồng thời làm sạch hiệu quả các chất béo và mỡ.</li> <li>- Tương thích với nhiều loại dụng cụ vật liệu phi kim loại như silicone, E® Cao su EPDM, PTFE, polyurethane, cao su viton và các vật liệu kim loại như thép không gỉ E® thép 304-2B, thép không gỉ 410, thép không gỉ 420 và nhôm anodized.</li> <li>- Đạt các tiêu chuẩn : EC, ISO, CFS</li> <li>- Chai 1 lít</li> </ul>	Chai	84	568.008
3	Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt dụng cụ y tế	<p>Didecyldimethylammonium chloride 0.1% (w/w); Chlorhexidine Digluconate 0.1% (w/w), Ethanol 30% (v/v) và các chất phụ gia vừa đủ 100%.</p> <p>Quy cách: Chai 750ml</p>	Chai	50	110.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
4	Dung dịch rửa tay	75%tt/tt Ethanol 8%tt/tt Isopropanol 0,5%tt/tt Chlorhexidine Digluconate Quy cách: Chai 500ml	Chai	415	52.416
5	Cồn tuyệt đối	Cồn tuyệt đối (cồn y tế 99,5%). Quy cách: Chai 1 lít	Chai	9	58.500
6	Dung dịch nước muối sinh lý vô trùng Natri Clorid 0,9%	Dung dịch nước muối sinh lý vô trùng Natri Clorid 0,9%, dùng ngoài. Quy cách: Chai x 1000ml.	Chai	1.200	6.500
7	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Thành phần: Chlohexidine Gluconate 4%, có bổ sung chất giữ ẩm. Quy cách: Chai 500 ml.	Chai	120	62.517
8	Dung dịch rửa tay	Dùng để sát khuẩn ngoài da, Ethanol 70%, có vòi, thể tích 500ml	Chai	450	41.600
9	Dung dịch sát khuẩn povidone	Dùng để sát khuẩn ngoài da dùng trong gia dụng và y tế, Povidon Iod 10%. Quy cách: Chai 500ml	Chai	989	84.084
10	Nước Javen	Javen 10-12%, có màu vàng xanh, có mùi đặc trưng. Quy cách: Chai 1000ml	Chai	160	11.000
11	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng	2% Glutaraldehyde, pH=6 khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt. Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. pH = 6. Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt nấm theo tiêu chuẩn EN 14562, diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 +A1 và diệt Mycobacteria theo tiêu chuẩn EN 14563 trong 10 phút. Quy cách: Can 5 lít.	Can	30	600.000
12	Băng keo chỉ thị nhiệt cho hấp ướ	- Phù hợp cho máy có hút chân không nhiệt độ từ 121 - 135 độ C - Kích thước: 18 mm x50 m - Chuyển từ Vàng sang Nâu đậm / Đen - Không chứa kim loại độc hại - Vật liệu bao phủ bề mặt băng keo cho phép ghi chú dễ dàng và liên tục. - Bám dính cao, dính tốt trên đồ vải, giấy, và nhựa. Bám dính chặt vào bề mặt sau khi tiệt khuẩn, không để lại vết dính trên dụng cụ sau khi gỡ bỏ - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016/NS-EN; ISO 13485:2016; ISO 11140; FDA	Cuộn	26	143.750

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
13	Viên nén khử khuẩn	Viên nén khử khuẩn bề mặt, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế. Quy cách: Hộp 100 viên.	Viên	5.800	4.000
14	Tinh dầu sả	Tinh dầu sả thiên nhiên Chai 1 lít	Lít	165	780.000
15	Túi hấp tiệt trùng dạng cuộn đẹp 350mm x 200m.	Kích thước: 350mm x 200m. Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	15	1.000.000
16	Túi hấp tiệt trùng dạng cuộn đẹp 100mm x 200m.	Kích thước: 100mm x 200m. Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	20	300.000
17	Túi hấp tiệt trùng dạng cuộn đẹp 150mm x 200m.	Kích thước: 150mm x 200m. Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	20	450.000
18	Túi hấp tiệt trùng dạng cuộn đẹp 200mm x 200m.	Kích thước: 200mm x 200m. Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	25	580.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
19	Túi hấp tiệt trùng dạng cuộn dẹp 250mm x 200m.	Kích thước: 250mm x 200m. Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	15	730.000
20	Túi hấp tiệt trùng dạng cuộn dẹp 300 mm x 200 m	Kích thước: 300 mm x 200 m . Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	15	860.000
21	Túi hấp tiệt trùng loại phòng 150mmx 100m	Kích thước cuộn: 150mmx 100m Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	14	420.000
22	Túi hấp tiệt trùng loại phòng 200cm x 100m	Kích thước cuộn: 200cm x 100m Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	15	525.000
23	Túi hấp tiệt trùng loại phòng 250mm x 100m	Kích thước cuộn: 250mm x 100m Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	15	650.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
24	Túi hấp tiệt trùng loại phòng 300mm x 100m	Kích thước cuộn: 300mm x 100m Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	14	780.000
25	Túi hấp tiệt trùng dạng cuộn đẹp 75 mm x 100m	Kích thước: 75 mm x 100m. Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	15	235.000
26	Túi hấp tiệt trùng loại phòng 350mm x 100m	Kích thước cuộn: 350mm x 100m Chất liệu: • Nhiều lớp màng Copolymer PET/ CPP trong suốt. • Giấy y tế 60 - 70gsm cho hơi nước và khí EO đi qua Có hai chỉ thị cho tiệt trùng bằng hơi nước và khí E.O Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng Mép được ép bằng ba đường hàn nhiệt	Cuộn	16	900.000
27	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước Thành phần: Giấy 75%, Aluminum 8%, polypropylene 4%; - Kích thước: 5.1 x 1.9cm	Miếng	6.000	3.420
28	Dung dịch sát khuẩn povidone	Dùng để sát khuẩn ngoài da dùng trong gia dụng và y tế, Povidon Iod 10%. Quy cách: Chai 100ml	Chai	1.740	22.750
29	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Sát khuẩn tay nhanh dùng trong y tế Ethanol 50%, Isopropanol 28%, Chlorhexidine Digluconate 0.5%. Quy cách: Chai 500ml	Chai	358	60.000
30	Cồn 96	Cồn trong suốt, không màu, mùi cồn đặc trưng 96%.	Lít	176	28.782

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
31	Chỉ thị hóa học	Chỉ thị hoá học loại 5 Kích thước: $\geq 70 \times 23$ mm Chuyển màu: vàng sang đen 100% không chứa các kim loại nặng (Bi, Ni, Pb, Cr, Cu, Co) Trên miếng chỉ thị có thông tin: số lô, hạn sử dụng, mã QR Giá trị SV: ở 121oC: $\geq 16.5$ phút; ở 135oC: $\geq 3.5$ phút Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Test	3.000	4.000
32	Dung dịch nước muối sinh lý vô trùng Natri Clorid 0,9%	Gồm chai nhựa, nắp chai, nhãn sản phẩm đúng quy cách, thùng carton đúng quy cách. Quy cách: NaCl 0,9%/ 1000 ml	Chai	1.000	6.319
33	Hộp giấy đựng bơm kim tiêm huỷ 5 lít	Dung tích 5 lít, Carton 3 lớp: cán màng PE	Cái	50	13.000
34	Dung dịch tắm sát khuẩn trước phẫu thuật	Thành phần : Chlorhexidine gluconate 4%( kl/tt), Cetarech-60 Miristy 2%, Isopropyl Alcohol 2%, Glycerol monostearate 2%, Hydroxyethyl cellulose 2%, Lauramine oxide 1%, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ. Chai 30 ml	chai	150	28.000
35	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ cao Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (Megasept OPA)	Thành phần : Ortho Phthalaldehyde 0.55% ,Ph = 7.2-8.2 ,không gây ăn mòn dụng cụ , có bảng tương thích dụng cụ. Tái sử dụng 14 ngày , sử dụng sau 75 ngày kể từ khi mở nắp, có que thử kèm theo Can 5 lít	Can (5 lít)	24	784.000
36	Cloramin B	- Cloramin B là hợp chất có lượng Clo hoạt tính cao, có khả năng diệt khuẩn tốt. - Cloramin B có khả năng sát khuẩn tốt, Sử dụng rất hiệu quả trong xử lý nước những vùng bị lũ lụt, dùng sát khuẩn trong y tế... '- Công thức hóa học : $C_6H_5SO_2NCINa.3H_2O$ - Hàm lượng clo hoạt tính: 25% - Dạng bột, màu trắng.	Kg	100	165.927
37	Dung dịch phun sương khử khuẩn	Thành phần: Hydrogen Peroxide 8%, phức hợp 30ppm muối bạc, nước tinh khiết. Can 5 lít	can	10	2.800.000
<b>Phần 19: Vật tư, hóa chất Nha khoa</b>					
1	Phim X-Quang nha khoa rửa nhanh	Không cần buồng tối, sẵn dung dịch rửa phim, có phim hình ảnh sắc nét chỉ sau 01 phút, hình ảnh có độ sắc nét cao. Phim lưu giữ độ sắc nét trong suốt 10 năm. kích thước 30.5mm*40.5 mm	Tấm	1.000	18.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
2	Cọ tăm bông	Dụng cụ bôi (quét) composite (cọ bond) - Độ bóng bề mặt cao, giúp vệ sinh làm sạch dễ dàng. - Nhựa PP không màu, không mùi, không vị, không độc. - Sử dụng 1 lần. - Quy cách hộp 100 cái - Tiêu chuẩn ISO 13485	Ổng	10	121.300
3	Côn trám bít ống tủy nha khoa (Cone gutta HTM 0.02)	Côn chính bít ống tủy, tương ứng hệ thống trám tay, độ thuôn 2%, kích thước từ 15-40 - Quy cách hộp 100 cái	Hộp	30	80.000
4	Dầu bôi trơn tay khoan	Dung dịch vệ sinh, bôi trơn cho các loại tay khoan dùng trong nha khoa bao gồm tay khoan tốc độ nhanh và tay khoan tốc độ chậm và máy tạo khí động lực. Thành phần: dầu khoáng trắng và dầu bạc hà. Quy cách: Chai 500ml kèm đầu xịt Tiêu chuẩn: ISO 13485	Chai	2	701.800
5	Xi măng hàn răng (Cortisolol)	Chất Hàn Ống Tủy Cortisolol với Prednisolone và Eugenol cortisolol Quy cách: Hộp/25g.	Hộp	5	982.000
6	Chổi đánh bóng răng dùng trong nha khoa	Chổi đánh bóng răng TPC - Hiệu suất cao cho nha khoa Chổi đánh bóng TPC. Quy cách: Hộp 144 cây.	Cây	144	2.563
7	Vật liệu trám răng (Eugenol)	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa. Quy cách: Lọ/30ml	Lọ	5	142.000
8	Vật liệu trám răng bít ống tủy (Oxit kẽm)	Không chứa thạch tín, là oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm. Quy cách: Lọ/110g	Lọ	5	142.000
9	Ổng hút nước bọt nha khoa	Kích thước: ống Ø6,5 mm - chiều dài 140 mm. Ống nhựa trong, có dây kim loại được che kín trong thành ống. Quy cách: 100 ống/gói	Gói	30	73.000
10	Kim nha khoa	Kim tiêm gây tê Shinject Shinhung với đầu mũi siêu nhọn Cam - 27G S 0.4x21mm. Quy cách: Hộp/100 cây	Cây	2.400	1.810
11	Sò đánh bóng (Sò đánh bóng prophyl plus)	Là bột đánh bóng sau cạo vôi, mùi vị tuyệt vời với nhiều hương, mịn, dùng loại bỏ mảng bám... Quy cách: Hộp/200 cái	Cái	400	5.250

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
12	Trâm gai	Trâm gai nội nha, bằng thép không gỉ - Kích cỡ: 20, 25, 30, 35, 40, 50, 60 - Quy cách Vi 6 cây - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Vi	33	324.500
13	Axit dùng trong trám răng (Etching prime)	Dùng để bôi lên bề mặt men răng trước khi đặt vật liệu phục hình; rửa các bề mặt sứ, kim loại và composite trước khi bôi adhesive. Quy cách: 5 ml/tuýp	Ống	20	76.000
14	Vật liệu trám răng (Bột Canxi HydCalcium Hydroxide nội nha - Metapasteroxit)	Bột canxi hydroxit là vật liệu nha khoa đa dụng, khi trộn với dung môi/ nước muối sẽ tạo thành bột nhão. Canxi Hydroxide hiệu quả cho các mô cứng trong khi Barium Sulphate cung cấp độ cản quang giúp hiển thị vật liệu trên phim X quang.. Được sử dụng làm vật liệu băng thuốc ống tủy quá trình điều trị nội nha cũng như là trám tạm trong che tủy và lấy tủy. Lý tưởng cho việc che tủy/ điều trị tủy buồng bởi đặc tính đồng nhất của Calxi. Dễ dàng xử lý và ứng dụng trực tiếp dễ dàng tại vị trí mong muốn. Bột nhão calci hydroxid có thể được pha trộn theo tỷ lệ mong muốn. Quy cách : Hộp15g	Hộp	15	107.910
15	Chất che tủy chiếu đèn Ultra Blend Plus	ULTRABLEND Plus - Chất che tủy quang tổng hợp, giải phóng canxi Trắng đục Ống 1.2ml	Ống	10	675.000
16	Xi măng trám răng Composite Dyad Flow lỏng màu A2	Composite lỏng - vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng. - Thành phần chính: hạt Hybrid NANO có độ bền cao, cứng chắc, nhiều màu - Tỷ lệ hạt Hybrid NANO > 65% - Dạng lỏng, màu A1; A2; A3; A3,5; A4 - Quy cách: Tuýp 2 gam - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Tuýp	5	525.800

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
17	Xi măng trám răng Composite Dyad Flow lông màu A3	Composite lỏng - vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng. - Thành phần chính: hạt Hybrid NANO có độ bền cao, cứng chắc, nhiều màu - Tỷ lệ hạt Hybrid NANO > 65% - Dạng lỏng, màu A3 - Quy cách: Tuýp 2 gam - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Tuýp	15	525.800
18	Xi măng trám răng Composite Dyad Flow lông màu A3.5	Composite lỏng - vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng. - Thành phần chính: hạt Hybrid NANO có độ bền cao, cứng chắc, nhiều màu - Tỷ lệ hạt Hybrid NANO > 65% - Dạng lỏng, màu A3.5 - Quy cách: Tuýp 2 gam - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Tuýp	10	525.800
19	Keo dán nha khoa 3M Aper Single Bond 2	Keo Dán Single Bond 3M - Độ Bám Dính Cao Keo dán Nano 2 bước Single Bond 2 Quy cách: Lọ 6ml	Lọ	5	1.207.000
20	Kim khoan răng (Mũi Gates các cỡ )	Mũi Gates Drills Mani Số 1-6 Dùng Cho Máy Endo Size 1 (0.50) Chiều dài 28mm. Quy cách: Hộp / 6 cái	cái	18	34.500
21	Đai trám bán phần kim loại	Đai trám thông thường (không có phần kéo dài) Cực mỏng và linh hoạt. Đai khít cho tất cả bề mặt răng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Sợi	24	35.750
22	Vật liệu trám răng MD- Temp	Thành phần: Zinc oxide; Zinc sulphate-1-hydrate; Calcium sulphate-hemihydrate; Diatomaceous earth; EVA resin; Natrium fluoride; Peppermint aroma Dạng kem mịn dễ dàng đặt vào chỗ răng sâu Có độ bám tốt trên răng Không cần trộn Vật liệu cứng nhanh, dễ tháo gỡ thành mảng lớn Độ khít sát lớn, không bị rò rỉ, không bị bội nhiễm Không chất Eugenol, không ảnh hưởng tới miếng trám composite sau này Hộp 38g	Hộp	6	609.400

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
23	Vật liệu sửa soạn xoang răng trước khi trám (MD-Chelcream)	Gel bôi trơn ống tủy – MD Chelcream Meta Biomed Gel bôi trơn ống tủy – MD Chelcream Quy cách: Hộp/2 tuýp,tuýp/7g	Tuýp	6	222.000
24	Xi măng gắn cầu mào FUJI 9	Xi măng Glass Ionomer Fuji 9 GC - Phóng thích Fluoride A3 - 1-1 Extra Quy cách : Hộp/lo 15g + chai 8g (6.4mL) Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485	Hộp	5	1.596.000
25	Dung dịch sát trùng ống tủy (Camphenol)	Dung dịch sát trùng tủy sống Camphenol Prevest Camphenol Quy cách: Hộp 1 chai 15ml	Hộp	2	265.000
26	Vật liệu trám răng composite Harmonize Dentin A2	Composite đặc - vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng. - Composite đa năng, áp dụng được cho tất cả các xoang trám và phục hồi trực tiếp như inlays, onlays, khiếm khuyết men, phục hồi cạnh cắn răng cửa... - Thành phần chính: hạt Hybrid NANO có độ bền cao, cứng chắc, nhiều màu - Tỷ lệ hạt Hybrid NANO 75% - Dạng đặc, màu A1; A2; A3; A3,5; A4 - Quy cách: Tuýp 4 gam - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Tuýp	5	495.000
27	Vật liệu trám răng composite Harmonize Dentin A3	Composite đặc - vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng. - Composite đa năng, áp dụng được cho tất cả các xoang trám và phục hồi trực tiếp như inlays, onlays, khiếm khuyết men, phục hồi cạnh cắn răng cửa... - Thành phần chính: hạt Hybrid NANO có độ bền cao, cứng chắc, nhiều màu - Tỷ lệ hạt Hybrid NANO 75% - Dạng đặc, màu A1; A2; A3; A3,5; A4 - Quy cách: Tuýp 4 gam - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Tuýp	5	495.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
28	Vật liệu trám răng composite Harmonize Dentin A3.5	Composite đặc - vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng. - Composite đa năng, áp dụng được cho tất cả các xoang trám và phục hồi trực tiếp như inlays, onlays, khiếm khuyết men, phục hồi cạnh cắn răng cửa... - Thành phần chính: hạt Hybrid NANO có độ bền cao, cứng chắc, nhiều màu - Tỷ lệ hạt Hybrid NANO 75% - Dạng đặc, màu A1; A2; A3; A3,5; A4 - Quy cách: Tuýp 4 gam - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Tuýp	5	495.000
29	Giấy cắn nha khoa Hanel (xanh - đỏ)	Giấy cắn sử dụng trong nha khoa để xác định điểm tiếp xúc giữa răng hàm trên và răng hàm dưới trong mọi hình thức điều chỉnh khớp cắn răng tự nhiên và lắp răng giả. - Giấy cắn được phủ một lớp mực để chuyển, làm nổi bật chính xác các điểm tiếp xúc khớp cắn. - Có độ dày 100µ, hai mặt xanh đỏ - Quy cách Hộp/10 xấp/120 cái - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Hộp	3	308.000
30	Mũi khoan kim cương mani mũi trụ đầu phẳng	Mũi khoan kim cương trụ ngắn mặt nhám viền xanh đường kính 1.0mm đến 1.4mm	Mũi	20	110.550
31	Mũi khoan kim cương mani mũi hình kim	Mũi khoan kim cương trụ nhọn mịn viền vàng đường kính 1.0 mm đến 1.8mm	Mũi	20	155.540
32	Mũi khoan kim cương mani mũi hình tròn	Mũi khoan nội nha cổ dài, chất liệu kim cương, đường kính 1.2mm, 1.4mm, 1.6mm	Mũi	50	202.433
33	Mũi phẫu thuật cắt xương, cắt răng 8 Mani Surgical Burs MZB+	Mũi khoan Implant Mani MZB+ 25mm/28mm, tương thích tay khoan nhanh 28mm	Mũi	100	136.000
34	Giấy lau sát khuẩn CaviWipes	Khăn lau sát khuẩn CaviWipes1 - khử trùng nhanh cho nha khoa CaviWipes1 Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485, FDA hoặc CE Hộp 160 tờ Nước sx : thuộc nhóm nước G7 hoặc Châu Âu	Hộp	5	396.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
35	Kim khoan răng Reammer các số : 10,15,20,25,30,35,40 chiều dài 21mm, 25mm	<p>Trâm dừa ống tủy Reamer</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ, mặt cắt hình tam giác</li> <li>- Chiều dài làm việc: 25 mm</li> <li>- Độ thuôn 2%</li> <li>- Vòng chặn bằng silicone</li> <li>- Kích cỡ: 06, 08, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40</li> <li>- Quy cách Vi 6 cây cùng số hoặc đủ số</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: MDSAP (ISO 13485:2016), EN ISO 13485:2016</li> <li>- Xuất xứ Châu Âu hoặc G7</li> </ul>	Cái	10	96.525
36	Côn trám bít ống tủy nha khoa (Cone gutta Percha phụ)	<p>Cone Gutta Percha phụ: Dùng để bổ sung vào khoảng trống giữa các cone chính trong quá trình trám bít ống tủy. Độ thấm hút tốt. Đồng nhất, độ thuôn giống nhau. Mịn, có đầu chóp tròn. Thích ứng với các hình dạng của ống tủy. Khả năng liên kết với ống tủy tốt hơn. Kích thước: A, B, C, D. Hộp 120 cây</p>	Hộp	35	80.000
37	Kim khoan răng ( H-File, K-File) các số :8 10,15,20,25,30,35,40 chiều dài 21mm,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- H file (ký hiệu: tròn) dùng mở rộng, đưa thành ống tủy</li> <li>- Bộ dụng cụ nong dừa ống tủy nổi tiếng Mani, sản phẩm không thể thiếu trong quá trình điều trị nội nha</li> <li>- Thép sợi Hard Fiber giúp bề mặt lưỡi cắt sắc bén, bóng loáng và ngăn chặn vết nứt vi kẽ.</li> <li>- Độ thuôn chính xác, cán cầm chống trượt.</li> <li>- Đóng gói : Vi / 6 cây</li> <li>- Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm</li> <li>- Size: số 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 70, 80</li> <li>- Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485, FDA hoặc CE</li> <li>- Nước sx : thuộc nhóm nước G7 hoặc Châu Âu</li> </ul>	Hộp	10	105.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
38	Kim khoan răng ( H-File, K-File) các số :8 10,15,20,25,30,35,40 chiều dài 25mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- H file (ký hiệu: tròn) dùng mở rộng, đưa thành ống tủy</li> <li>- Bộ dụng cụ nong đưa ống tủy nổi tiếng Mani, sản phẩm không thể thiếu trong quá trình điều trị nội nha</li> <li>- Thép sợi Hard Fiber giúp bề mặt lưỡi cắt sắc bén, bóng loáng và ngăn chặn vết nứt vi kẽ.</li> <li>- Độ trơn chính xác, cán cầm chống trượt.</li> <li>- Đóng gói : Vi / 6 cây</li> <li>- Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm</li> <li>- Size: số 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 70, 80</li> <li>- Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485, FDA hoặc CE</li> <li>- Nước sx : thuộc nhóm nước G7</li> </ul>	Hộp	10	105.000
39	Kim đưa chất hàn răng vào ống tủy lentulo số 25 chiều dài 21mm	<p>Mũi Lentulo Paste Carriers Mani - Độ đàn hồi cao, tái sử dụng Size 25 - dài 21mm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói : Hộp 4 cây</li> <li>- Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485, FDA hoặc CE</li> <li>- Nước sx : thuộc nhóm nước G7</li> </ul>	Hộp	5	119.000
40	Kim đưa chất hàn răng vào ống tủy lentulo số 25 chiều dài 25mm	<p>Mũi Lentulo Paste Carriers Mani - Độ đàn hồi cao, tái sử dụng Size 25 - dài 25mm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói : Hộp 4 cây</li> <li>- Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485, FDA hoặc CE</li> <li>- Nước sx : thuộc nhóm nước G7</li> </ul>	Hộp	5	119.000
41	Dung dịch bơm rửa ống tủy	<p>Chloraxid 2.0%/5.25% Cerkamed - Dung dịch rửa ống tủy 2,0% 200g/ NaOCl 2% chai nhỏ Chai 200g</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7</p>	Chai	10	598.000
<b>Phần 20: Hoá chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hoá</b>					
1	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	<p>Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480.</p> <p>Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và CSF trên máy phân tích tự động.</p> <p>Quy cách: Hộp x R1: 4x25ml, R2: 4x12ml.</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7</p>	Hộp	15	3.073.190
2	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	<p>Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480.</p> <p>Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích tự động.</p> <p>Quy cách: Hộp x R1: 4x25ml, R2: 4x25ml.</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7</p>	Hộp	10	2.980.614

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
3	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x50ml, R2: 4x25ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	10	3.380.769
4	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng $\gamma$ -Glutamyl Transferase ( $\gamma$ -GT) trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x50ml, R2: 4x50ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	5	4.762.800
5	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Urea trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x60ml, R2: 4x60ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	5	4.697.280
6	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 7x70ml, R2: 7x35ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	5	7.794.675
7	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Amylase trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x40ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	3	6.652.800
8	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Bilirubin tổng số trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x50ml, R2: 4x50ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	1	4.267.200
9	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 5x50ml, R2: 1x50ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	5	3.364.620
10	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Uric Acid trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x30ml, R2: 4x20ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	6	2.654.400

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
11	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Calcium trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x60ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	2	2.207.520
12	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC. Quy cách: Hộp x R1: 10x70ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	5	2.734.032
13	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương. Quy cách: Hộp x R1: 5x50ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	15	2.428.272
14	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Lipoprotein tỷ trọng cao (HDL-C) trong huyết thanh và huyết tương. Quy cách: Hộp x R1: 4x50ml, R2: 4x17ml, R3: 1x1ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	15	10.292.873
15	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng LDL –C trong huyết thanh và huyết tương. Quy cách: Hộp x R1: 2x45ml, R2: 1x30ml, R3: 1x1ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	36	11.797.863
16	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Lipid control Level 1 được sử dụng để xác minh hiệu suất của dụng cụ / thuốc thử trong định lượng Apolipoprotein A-1 & Apolipoprotein B, HDL & LDL. Đóng gói: Hộp x 5 lọ x 3ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	4	4.195.800
17	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng protein tổng số trong huyết thanh và huyết tương. Đóng gói: Hộp x R1: 4x50ml, R2: 4x50ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	1	2.856.000
18	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Iron trong huyết thanh và huyết tương. Đóng gói: Hộp x R1: 4x50ml, R1a: 4x50ml, R2: 1x40ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	3	2.882.880

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
19	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Ferritin trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Đóng gói: Hộp x R1: 4x28ml, R2: 2x19ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	3	21.766.500
20	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Bộ hiệu chuẩn Ferritin được sử dụng để thiết lập điểm tham chiếu trong định lượng ferritin trên máy phân tích tự động và bán tự động. Đóng gói: Hộp x 6 x 1ml (set). Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	2	5.452.650
21	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Ferritin Controls được sử dụng để xác minh hiệu suất của thiết bị / thuốc thử. Hai mức của kiểm chuẩn nên được chạy để đảm bảo kết quả. Đóng gói: Hộp x 2 set x 5 x 1ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	2	9.828.000
22	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Creatine Kinase (CK-MB) trong huyết thanh trên máy phân tích tự động. Đóng gói: Hộp x R1: 4 x 25 ml, R2: 4 x 5 ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	5	7.938.000
23	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Hiệu chuẩn CKMB được sử dụng để thiết lập điểm tham chiếu trong định lượng CKMB trên máy phân tích tự động và bán tự động. Quy cách: Lọ 2ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	3	799.890
24	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. CK-MB - Control được sử dụng để xác minh hiệu suất của thiết bị / thuốc thử. Quy cách: Lọ 2ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	24	799.890
25	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Protein phản ứng C trong huyết thanh trên máy phân tích tự động. Đóng gói: Hộp x R1: 4 x 40 ml, R2: 2 x 17 ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	19	11.997.930
26	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Bộ hiệu chuẩn CRP được sử dụng để thiết lập điểm tham chiếu trong định lượng CRP trên máy phân tích tự động và bán tự động. Đóng gói: Lọ 1ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	4	700.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
27	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. CRP – Control Level 1 được sử dụng để xác minh hiệu suất của thiết bị / thuốc thử. Quy cách: Hộp x 20 Lọ x 1ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	15	5.949.930
28	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. hiệu chuẩn General Chemistry được sử dụng để hiệu chuẩn trong định lượng hóa sinh lâm sàng trên máy phân tích sinh hóa. Quy cách: Lọ 5ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	5	884.940
29	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. General Chemistry control được sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động và bán tự động, mức 1. Quy cách: Lọ 5ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	24	684.810
30	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. General Chemistry control được sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động và bán tự động, mức 2. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	24	684.810
31	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Được dùng để làm sạch các hệ thống đo của máy phân tích hóa sinh. Quy cách: Hộp x 2000ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	30	2.835.000
32	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hoá Thành phần: Triethanolamine 0.1 mol/L Quy cách: Hộp x 2000ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	12	1.596.000
33	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người Thành phần và nồng độ: Na+ 4.3 mmol/L K+ 0.13 mmol/L Cl- 3.1 mmol/L Quy cách: Hộp x 2000ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	18	1.974.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
34	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hoá Thành phần: Potassium Chloride 1.00 mol/L Quy cách: Hộp x 1000ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	5	2.247.000
35	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hoá Thành phần: Na+ 130 mmol/L K+3.5 mmol/L Cl- 85 mmol/L Quy cách: Hộp x 100ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	2	1.848.000
36	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hoá Thành phần: Na+ 160 mmol/L K+ 6 mmol/L Cl- 120 mmol/L Quy cách: Hộp x 100ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	2	1.848.000
37	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Để sử dụng chẩn đoán in vitro như một chất làm sạch trên các hệ thống sinh hóa Dùng để làm sạch các thành phần điện giải trên hệ thống máy sinh hoá Quy cách: Hộp x 450ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	2	2.945.250
38	ALCOHOL	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Định lượng nồng độ cồn trong máu R1: Tris-based buffer, sodium azide R2: alcohol dehydrogenase (ADH), nicotinamide adenine dinucleotide, sodium azide. Quy cách: Hộp x R1: 4x20ml, R2: 2x15ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	2	10.101.000
39	ALCOHOL CALIBRATOR	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Dung dịch chạy hiệu chuẩn cho test Alcohol. Quy cách: Hộp R1: 1x5ml, R2: 1x5ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	2	7.099.890

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
40	ALCOHOL CONTROL SET	Phù hợp với máy phân tích sinh hóa AU480 Dung dịch chạy kiểm tra cho test Alcohol. Quy cách: Hộp 2 lọ x 1ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	6	5.674.830
41	Cốc đựng mẫu (Sample cup)	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480 Dung tích: Mẫu Cup 2.5ml. Kích thước: 16 X 38mm Quy cách : Gói/500 cái; Thùng/ 5000 cái	Hộp	2	169.000
42	Photometer Lamp, 12V 20W	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480 Bóng Halogen 12V, 20W	Hộp	2	4.071.100
43	Roller Tubing (ống dây bơm)	Dây bơm dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480 Dây bơm nhu động bằng cao su và nhựa, dài 10.5cm	Hộp	7	1.318.900
44	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa FC200. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và CSF trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1:9x50ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	1	2.683.800
45	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa FC200. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1:5x30ml, R2:3x10ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	1	1.833.300
46	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa FC200. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1:5x30ml, R2:3x10ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	1	1.833.300
47	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa FC200. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Urea trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1:6x65ml, R2:6x44ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hộp	1	4.120.200
<b>Phần 21: Test chẩn đoán xét nghiệm các loại, vật tư xét nghiệm</b>					
1	Thuốc thử nhóm máu A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai. Quy cách: Hộp x 1 lọ x 10ml	Lọ	18	100.000
2	Thuốc thử nhóm máu B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai. Quy cách: Hộp x 1 lọ x 10ml	Lọ	18	100.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
3	Thuốc thử nhóm máu AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai. Quy cách: Hộp x 1 lọ x 10ml	Lọ	14	100.000
4	Thuốc thử nhóm máu D	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai. Quy cách: Hộp x 1 lọ x 10ml	Lọ	15	170.000
5	Test xét nghiệm in vitro phát hiện kháng thể kháng HIV-1/HIV-2 ở người (SD Bioline HIV ½ 3.0)	Phát hiện tất cả các tuýp kháng thể (IgM, IgG, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần -Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 99.8% - Thời gian trả kết quả: 10-20 phút - Thẻ tích mẫu (huyết thanh/huyết tương: 10µL, máu toàn phần: 20µL) - Kết quả xét nghiệm phân biệt giữa HIV tuýp I & II (3 vạch) - Nằm trong Hướng dẫn quản lý, điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BHYT & khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia của Viện vệ sinh dịch tễ - Nằm trong danh mục Bộ dụng cụ xét nghiệm nhanh HIV & AIDS được phê duyệt của USAIDS - Tiêu chuẩn ISO & WHOPQ. - Tên thương mại Bioline™ HIV 1/2 3.0 (để đảm bảo phương cách xét nghiệm)	Test	4.500	32.550
6	Test xét nghiệm in vitro phát hiện kháng thể kháng HIV-1/HIV-2 ở người (Determine™ HIV – 1/2)	Độ nhạy 100% , - Độ đặc hiệu ≥ 99,75%, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới ≥ 60 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương , Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody, Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen,(pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O,Antigen,(PjC100)HIV-2, Antigen,(pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. - Tên thương mại Determine™ HIV – 1/2 (để đảm bảo phương cách xét nghiệm)	Test	100	45.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
7	Test xét nghiệm in vitro phát hiện kháng thể kháng HIV-1/HIV-2 ở người (Rapid Anti-HIV Test)	<p>Phát hiện sự có mặt của các kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Độ nhạy: 99.59%, Độ đặc hiệu: 99.87%</li> <li>- Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp.</li> <li>- Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab.</li> <li>- Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm khẳng định HIV của viện Vệ sinh dịch tễ TW năm 2020</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul> <p>Đạt chứng nhận ISO</p>	Test	100	12.600
8	Test phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1	<p>Thanh thử nhanh xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1, đặc hiệu với virus dengue ở người</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt.</li> <li>- Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương</li> <li>- Bảo quản: 2-30°C</li> <li>- Độ nhạy, Độ đặc hiệu: 100% so với RT-PCR.</li> <li>- Thời gian phản ứng: &lt;=20 phút.</li> </ul> <p>Đạt TC ISO 13485, CFS</p>	Test	10.000	35.300
9	Test phát hiện kháng thể IgM kháng Enterovirus 71	<p>Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong ( huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.</li> <li>- Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C</li> <li>- Độ nhạy: 96.8% ; Độ đặc hiệu: 99.4%</li> </ul> <p>Thành phần Kit thử:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kháng thể EV71 (EV71 antibody): 20 µg/ml;</li> <li>2. Kháng nguyên EV71 (EV71 antigen): 0.175 mg/ml;</li> <li>3. Kháng thể kháng chuỗi µ-IgM người (Anti-human IgM µ-chain antibody): 1.5 mg/ml</li> <li>4. Kháng thể đa dòng kháng IgG chuột (Anti-mouse polyclonal antibody): 2.0 mg/ml</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phản ứng chéo với HBV-IgM, HIV-IgG, HCV-IgG</li> </ul>	Test	250	50.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
10	Test phát hiện kháng nguyên Chlamydia	Phát hiện định tính, trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis. - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới -Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C - Ngưỡng phát hiện: $5 \times 10^4$ IFU/ml - Độ nhạy: 93,58% ; Độ đặc hiệu: 99,08% Thành phần kit thử: 1. Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 µg/ml; 2. Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 mg/ml; 3. Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 mg/ml. - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis.....	Test	300	28.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
11	Test phát hiện kháng thể HCV	<p>Que thử xét nghiệm miễn dịch định tính, kỹ thuật màng và kháng nguyên kép để phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần.</p> <p>Các kháng nguyên tái tổ hợp được mã hóa bởi các gen cho cả protein cấu trúc (nucleocapsid) và không cấu trúc. Que thử chứa hạt phủ kháng nguyên HCV tái tổ hợp bao gồm NS3, NS4, NS5, CORE và kháng nguyên HCV bao gồm NS3, NS4, NS5 và CORE được phủ trên màng</p> <p>- Vùng cộng hợp: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 2 0.073 µg. Vạch kết quả(T): Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 1 0.31 µg. Vạch chứng(C): Kháng thể dê kháng chuột IgG 0.41 µg</p> <p>Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HCV EIA:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 99.3%</li> <li>- Độ chính xác tương quan: 99.5%</li> <li>- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: &gt;99%</li> </ul> <p>Không lây nhiễm chéo bởi: Virus gây suy giảm miễn dịch ở người, Virus Herpes simplex-2 IgM, Kháng insulin, Yếu tố dạng thấp</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi các chất sau ở nồng độ tương ứng: Acetaminophen 20mg/dl, Sulfamethoxazole 40mg/dl, Ibuprofen 50mg/dl</p> <p>Đọc kết quả ở phút thứ 10</p> <p>Đạt chứng nhận ISO&amp;FSC.</p>	Test	700	9.912

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
12	Test phát hiện kháng nguyên HBsAg	<p>Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Cặp kháng thể kháng HBsAg.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 100%</li> <li>- Độ chính xác tương quan: 100%.</li> <li>- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100%</li> </ul> <p>Ngưỡng phát hiện (LOD) : 1 ng/mL.</p> <p>Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV, HCV, Dengue, HIV, RF, Syphilis, TB, H.pylori.</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi Sodium citrate nồng độ 3.8% và EDTA nồng độ 3.4 µmol/L</p> <p>Đọc kết quả tại 15 phút.</p> <p>Đạt chứng nhận ISO</p>	Test	4.000	5.670
13	Que thử nước tiểu 10 thông số	<p>Que thử nước tiểu 10 thông số được dùng cho máy phân tích nước tiểu Clinitek Status và Clinitek Advantus</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông số xét nghiệm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid), SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen.</li> </ul>	Test	1.000	7.400
14	Test phát hiện nhanh H. pylori	<p>Mục đích: Dùng tầm soát Helicobacter pylori (H. pylori) dựa vào khả năng sinh enzyme urease rất mạnh của vi khuẩn này</p> <p>Phương pháp: Nhuộm mô học – Rapid Urease Test</p> <p>Loại mẫu đầu vào: Mẫu mô sinh thiết dạ dày vùng thân vị, hạng vị và môn vị</p> <p>Thành phần bộ kit: Urea, Disodium hydrogen phosphate dihydrate, Potassium dihydrogen phosphate, Agar, Phenol red, nước.</p> <p>Hạn sử dụng: 6 tháng kể từ ngày sản xuất</p> <p>Độ nhạy: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu: 100%</p> <p>Độ chính xác: 100%</p> <p>Đạt chứng nhận ISO.</p>	Test	3.600	12.852

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
15	Test phát hiện kháng thể HAV IgM	<p>Sử dụng phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM kháng HAV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người</p> <p>Thành phần: Kháng nguyên HAV tái tổ hợp, kháng thể kháng HAV và kháng thể kháng IgM của người,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy 100%,</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99.5%</li> <li>- Độ chính xác: 99.6%.</li> </ul> <p>Không bị gây nhiễu bởi các chất có nồng độ tương ứng sau: Hemoglobin 1000 mg/dl, Methanol 10%, Albumin 2000 mg/dl. Không bị phản ứng chéo với các mẫu phẩm dương tính với HIV, HCV, HBV, HEV.</p>	Test	150	37.000
16	Test phát hiện kháng nguyên Syphilis Ab (Giang mai)	<p>Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch kỹ thuật màng, định tính phát hiện các kháng thể (IgG và IgM) kháng Treponema Pallidum (TP) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 99,3%</li> <li>- Độ chính xác tương quan: 99,6%</li> <li>- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: &gt;99%</li> </ul> <p>Ống chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm.</p> <p>Đạt chứng nhận ISO&amp;FSC&amp;CE</p> <p>Đọc kết quả ở phút thứ 10</p>	Test	25	7.077

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
17	Test phát hiện kháng nguyên Influenza A/B	<p>Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện và phân biệt kháng nguyên vi rút cúm A và cúm B từ dịch mũi, dịch hầu họng và dịch tỵ hầu</p> <p>Ngưỡng phát hiện(LoD). Cúm A: <math>6,88 \cdot 10^2</math> TCID50/mL. Cúm B: <math>1,88 \cdot 10^2</math> TCID50/mL</p> <p>Hiệu quả chẩn đoán Cúm A:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 100%.</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 99,22%</li> <li>- Độ chính xác tương quan: 99,38%</li> </ul> <p>Hiệu quả chẩn đoán Cúm B:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 100%.</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 99,61%</li> <li>- Độ chính xác tương quan: 99,67%</li> </ul> <p>Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: &gt;99%</p> <p>Que mẫu chứng âm và que mẫu chứng dương được cấp kèm theo mỗi hộp xét nghiệm để kiểm soát chất lượng sản phẩm</p> <p>Không phản ứng chéo với: coronavirus-229E, coronavirus-NL63, coronavirus-OC43, coronavirus-HKU1, parainfluenza, Enterovirus, Streptococcus pneumoniae, Mycoplasma pneumoniae, MERS-coronavirus, SARS-coronavirus, virus adenovirus và virus hợp bào hô hấp ở người.</p>	Test	3.000	50.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
18	Test phát hiện kháng nguyên Rotavirus Ag	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện kháng nguyên Rotavirus nhóm A trong mẫu phân của người.</li> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% so với PCR và ELISA; đánh giá trên 238 mẫu lâm sàng</li> <li>- Độ chính xác 100%, độ tái lập 100%</li> <li>- Giới hạn phát hiện Rotavirus nhóm A xấp xỉ <math>2.3 \times 10^6 \sim 1.15 \times 10^6</math> PFU/ml</li> <li>- Không phát hiện trên mẫu trắng</li> <li>- Vạch hiển thị màu tím trên màng của khay thử chưa sử dụng sẽ biến mất sau khi sử dụng</li> <li>- Đóng gói từng test trong túi nhôm riêng biệt, có gói hút ẩm cho từng test</li> <li>- Chứng hoàng đản không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm.</li> </ul> <p>Không bị nhiễu bởi các mẫu mỡ máu, tán huyết, BSA, Mucin, Máu toàn phần. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485</p>	Test	200	70.122
19	Test kháng thể Virus viêm gan B	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B( HBsAg) có mặt trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Không cần dung dịch đệm (lo Buffer).</p> <p>Độ nhạy: 100% (43/43), độ đặc hiệu: 100% (162/162) so với CLIA. Ổn định 8 tuần tại 55 +/-1oC . Độ chính xác 100%. Bảo quản: 2-40 độ C</p> <p>Không phản ứng chéo với: HIV, HCV</p> <p>Không có phản ứng gây nhiễu với: máu toàn phần của phụ nữ mang thai, mẫu có nồng độ protein phản ứng C tăng cao.</p> <p>-Thành phần chính: Vạch thử: kháng thể đơn dòng kháng HBs; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng IgY-gà</p> <p>Hàm lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới hạn phát hiện: phát hiện được HBsAg từ nồng độ 0.2145 ng/ml</li> <li>- Đạt ISO 13485</li> </ul>	Test	700	14.880

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
20	Test chẩn đoán nhanh chất gây nghiện trong nước tiểu	Test thử nhanh phát hiện Morphine (MOP) Ngưỡng cut-off: 300 ng/ml Độ chính xác: Dương tính : MOP > 300 ng/ml Âm tính : MOP < 300 ng/ml Độ nhạy: 99,9% Độ đặc hiệu: 99,9%	Test	300	11.445
21	Test chẩn đoán nhanh chất gây nghiện trong nước tiểu	Test thử nhanh phát hiện Amphetamine (AMP) Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml Độ chính xác: Dương tính : AMP > 500 ng/ml Âm tính : AMP < 500 ng/ml Độ nhạy: 99,9% Độ đặc hiệu: 99,9%	Test	300	11.445
22	Test chẩn đoán nhanh chất gây nghiện trong nước tiểu	Test thử nhanh phát hiện Methamphetamine (MET) Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml Độ chính xác: Dương tính : MET ≥ 500 ng/ml Âm tính : AMP < 500 ng/ml Độ nhạy: 99,9% Độ đặc hiệu: 99,9%	Test	300	11.445
23	Test chẩn đoán nhanh chất gây nghiện trong nước tiểu	Test thử nhanh phát hiện Marijuana (THC) Ngưỡng cut-off: 50 ng/ml Độ chính xác: Dương tính: THC ≥ 50ng/ml) Âm tính: THC < 50ng/ml) Độ nhạy: 99,9% Độ đặc hiệu: 99,9%	Test	300	11.445
24	Thẻ định danh nhóm máu tại giường	Thẻ định nhóm máu đầu giường trước truyền máu Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100%; Anti D: 99% Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100%; Anti D: 100% Chất bảo quản: Sodium azide < 1,0mg/ml trong test xét nghiệm.	test	340	73.500

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
25	Test 5 chân chẩn đoán các chất gây nghiện (HER, AMP, THC, COD, MOP)	Multi-Drug 5 Drugs Rapid Test panel with là một xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện 5 chất gây nghiện có trong mẫu nước tiểu của người Morphine (MOP), Codein (COD), Amphetamine (AMP), Marijuana (THC) và 6-Monoacetylmorphine (HER) - MOP: Ngưỡng cut-off: 300 ng/ml, - COD: Ngưỡng cut-off: 300 ng/ml - AMP: Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml - THC: Ngưỡng cut-off: 50 ng/ml - HER: Ngưỡng cut-off: 10 ng/ml - Độ chính xác : 99,9% so với bộ test thương mại	Test	15.000	39.060
26	Test nước tiểu 10 thông số	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission. Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Dạng que. Hạn dùng: 24 tháng/ 3 tháng sau khi mở nắp hộp. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Test	1.000	1.750
27	Que thử nước tiểu 10 thông số	Xét nghiệm 10 thông số trong nước tiểu UroColor 10 / 10UK10 Máu (tetramethylbenzidine 12µg và cumene hydroperoxide 5µL); Bilirubin (natri nitrite 13µg và 99% Methanol); Urobilinogen (4-Diethylaminobenzaldehyde 26µg); Ketone (natri nitroprusiat 0,19mg); Protein (tetrabromphenol xanh 2µg); Nitrite (axit p-arsanilic 56µg); Glucose (glucose oxidase 1,1 đơn vị, peroxidase 0,13 đơn vị và potassium iodide 0,3mg); pH (methyl đỏ 1,3µg và bromthymol xanh 9µg); Tỷ trọng nước tiểu (bromthymol xanh 18µg); Bạch cầu (phenylpyrrole dẫn xuất 9µg và muối diazonium 7µg). - Chứng nhận ISO 13485 & CE & EUFSC - Tương thích và chạy ổn định trên máy UroMeter	Test	8.000	5.523
<b>Phần 22: Vật tư, hóa chất khác</b>					
1	Lọc khuẩn làm ấm trẻ em	- Lọc khuẩn làm ấm HMEFs trẻ em - Hiệu quả lọc vi khuẩn: ≥ 99,9% - Hiệu quả lọc virus: ≥ 99,9%	Cái	100	15.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
2	Đầu col vàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đầu col được đảm bảo không thay đổi các thông số kỹ thuật như thiết kế ban đầu bởi nhà sản xuất.</li> <li>• Đạt các tiêu chuẩn ISO 8655.</li> <li>• Tổ chức chứng nhận chất lượng CE: phù hợp với các quy định sức khỏe và an toàn cần thiết theo tiêu chuẩn Châu Âu.</li> <li>• Chứng nhận IVD: Tất cả các đầu col được đăng ký để sử dụng cho việc chẩn đoán trong phòng thí nghiệm và thực hiện theo tiêu chuẩn 98/79/CE.</li> </ul> Kích thước: 0-200ul, không khóa.	Cái	15.000	52
3	Đầu col xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đầu col được đảm bảo không thay đổi các thông số kỹ thuật như thiết kế ban đầu bởi nhà sản xuất.</li> <li>• Đạt các tiêu chuẩn ISO 8655.</li> <li>• Tổ chức chứng nhận chất lượng CE: phù hợp với các quy định sức khỏe và an toàn cần thiết theo tiêu chuẩn Châu Âu.</li> <li>• Chứng nhận IVD: Tất cả các đầu col được đăng ký để sử dụng cho việc chẩn đoán trong phòng thí nghiệm và thực hiện theo tiêu chuẩn 98/79/CE.</li> </ul> Kích thước: 201-1000ul, có khóa.	Cái	8.000	78
4	Lam kính có cạnh không mài mờ	Lam kính có cạnh không mài mờ. Nguyên vật liệu: Kính trung tính đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ±1mm. Bề mặt phẳng, không mốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương. Quy cách: Hộp 72 miếng	Hộp	10	17.200
5	Lam kính có cạnh mài mờ	Lam kính có cạnh mài mờ. Nguyên vật liệu: Kính trung tính đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ±1mm. Mài mờ 1 đầu. Bề mặt phẳng, không mốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương. Quy cách: Hộp 72 miếng	Hộp	10	22.000
6	Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chổi 2 đầu, dài 1.5m</li> <li>- Dùng vệ sinh dụng cụ nội soi</li> </ul>	Cái	200	330.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
7	Lamen	-Kích thước: 22 x 22 mm - Độ dày: 0.13 – 0.17 mm - Vật liệu: thủy tinh borosilicate, class 1 - Khả năng kháng hóa chất cao - Mặt kính không bị mờ theo thời gian. '- Được xử lý chống dính bề mặt và độ chính xác cao khi soi	Cái	500	126
8	Nước cất	Nước cất 1 lần. Quy cách: Can 10 lít.	Can	10	170.000
9	Vôi soda	Vôi soda dùng cho máy mê - Vôi soda có thiết kế hình bán nguyệt, ít bụi - Vôi soda có chất chỉ thị màu báo hiệu thời gian thay. Quy cách: Can x 4.5kg	Can	20	650.000
10	Gel bôi trơn	Không gây kích ứng da. Hòa tan trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn, không độc hại và không có mùi. Được sử dụng trong nội soi, nội soi dạ dày, nội soi ruột kết, nội soi trực tràng. Quy cách: Tuýp 82g	Tuýp	100	50.000
11	Gel Siêu âm	Gel siêu âm, Gel điện tim phù hợp tần số siêu âm, phù hợp điện cực máy điện tim, điện não. Quy cách: Can x 5 lít.	Can	73	110.000
12	Bao cao su	sử dụng chất liệu mũ cao su tự nhiên, chất lượng cao, không màu, không mùi. Sử dụng trong kế hoạch hóa gia đình.	Chiếc	200	800
13	Đè lưỡi gỗ	Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cây	54.800	300
14	Giấy ghi kết quả đo điện tim	Làm từ bột giấy, không chứa clo và carbon, được xử lý phủ lớp nhạy nhiệt trên cùng, dính mực tốt, in rõ nét. Kích thước: 110mm x 140mm x 200 tờ	Xấp	100	40.000
15	Giấy ghi kết quả đo điện tim	Giấy điện tim 3 cân. In kết quả chẩn đoán y khoa. Kích thước: 80cm x 20m	cuộn	500	29.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
16	Giấy monitor sản khoa	Giấy monitor sản khoa HP M1911A. Kích thước: 150mm x 100mm - 150 tờ, Sử dụng trên các máy Monitor sản khoa, dùng để in kết quả sau đo	Tập	200	65.000
17	Kẹp rốn	• Công dụng: dùng để kẹp dây rốn trẻ sơ sinh.	Cái	2.000	1.170
18	Khẩu trang y tế	- Khẩu trang đạt tiêu chuẩn TCVN 8389-1:2010, ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	83.800	421
19	Mũ chụp tóc	(Mũ phẫu thuật, Mũ phòng hộ, Bọc nón con sâu, Nón giấy) Nón xếp. Chất liệu: vải không dệt PP, thun đôi. Chiều dài khi kéo giãn 53 cm. Tiệt trùng. 100 cái/ gói.	Cái	8.550	650
20	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế thủy ngân đo nhiệt độ cơ thể người	Cái	305	27.000
21	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết sử dụng cho máy đo đường huyết Nipro Premier. - Sử dụng enzym GDH-FAD Công nghệ CoreSignal, CoreSense cho kết quả chính xác - Khoảng kết quả 20-600 mg/dl. - Hematocrit 15-65% - Hạn sử dụng sau khi mở nắp bằng hạn sản xuất (24 tháng) - 5 giây cho kết quả - Lấy mẫu chỉ 0.4ul, có cửa sổ báo máu *Tiêu chuẩn: CE, EN ISO 13485: 2016, CFS/Đức	Que	4.250	6.980
22	Bao đo huyết áp	Chất liệu: Nylon TPU mềm Bao gồm Bao đo 1 dây kèm đầu nối vào ống hơi Kích thước: 7-13cm,8-13cm,9-14.8cm,10-19cm,10-12cm,13.8-21cm,14-21,5 cm,20,5-28cm,17-25cm,27-35cm, 34-43cm,42-54cm,vv... Tương thích và sử dụng được cho monitor theo dõi bệnh nhân . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	19	370.000
23	Cảm biến SpO2 dùng cho người lớn	Cảm biến SpO2 Silicon dùng cho máy Nihon Kohden Sử dụng được trên người lớn Độ dài: 1,6m Dễ dàng làm sạch và tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Cái	12	1.100.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
24	Cảm biến SpO2 dùng cho trẻ em	Cảm biến SpO2 Silicon dùng cho máy Nihon Kohden Sử dụng được cho trẻ nhỏ Độ dài: 1,6m Dễ dàng làm sạch và tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Cái	6	1.100.000
25	Điện cực tim	Điện cực tim hình Oval, đường kính 55cm	Cái	1.550	1.600
26	Bình hút áp lực âm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng cho việc thoát nước ở khu vực gần vết thương dưới áp lực sau mổ. Có thể cùng sử dụng 1 hoặc 2 ống cùng lúc.</li> <li>Bộ tản nhiệt 3 lò xo, ống PVC, cổng nối Y, ống thoát nước PVC, trocar thép không gỉ.</li> <li>Có thể thay thế ống PVC bằng ống silicon.</li> <li>Dung tích: 200ml-400ml.</li> </ul>	Cái	40	90.000
27	Bóng đèn hồng ngoại	Phổ ánh sáng hồng ngoại cao, đèn có kết cấu mặt tán xạ ánh sáng giúp cho ánh sáng phân bố đều trên diện tích lớn và chống chói mắt.	Cái	22	70.000
28	Máy đo huyết áp kế	Máy đo huyết áp kế cơ	Cái	82	380.000
29	Ống nghe huyết áp	Đầu nối: đầu đực 22mm/đầu cái 15mm và đầu nối đầu cái 22mm phù hợp với ISO5356-1-22mm. Hoặc tương đương	Cái	62	150.000
30	Giấy in kết quả cho hệ thống máy C-Arm	Giấy in kết quả cho hệ thống máy C_Arm. UPP-210HD Kích thước 210 mm x 25m	Cuộn	20	1.533.000
31	Giấy in nhiệt size 57mm x 25m	Bọc giấy bạc từng cuộn giấy, dán tem hai đầu. Quy cách: Hộp x 10 cuộn	Cuộn	10	11.550
32	Dung dịch AHG (Anti Human Globulin)	thuốc thử anti-human globulin (AHG) dùng phát hiện sự hiện diện của kháng thể IgG. trong Coom'S test chai 10ml bảo quản lạnh 4 độ C. Quy cách: lọ 1 x 10ml	Lọ	3	280.000
33	IVD pha loãng xét nghiệm nhóm máu (Liss)	Dung dịch LISS ( Low ionic strength saline – dung dịch nước muối nồng độ ion thấp). Môi trường có nồng độ ion thấp làm tăng nhanh tốc độ phản ứng liên kết giữa kháng nguyên – kháng thể. Quy cách: Lọ x 10ml	Lọ	3	330.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
34	Phin lọc khuẩn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thời gian sử dụng: ≤24h, Chất liệu Polypropylene trong suốt</li> <li>• Trọng lượng 30g</li> <li>• Lọc vi khuẩn, virus, làm ấm và giữ ẩm đường hô hấp</li> <li>• Có cổng trích lấy mẫu khí CO<sub>2</sub>, có nắp đậy cổng để bảo vệ tránh nhiễm khuẩn</li> <li>• Có co nối riêng, có cổng xả khí</li> <li>• Thiết kế nghiêng 45 độ</li> <li>• Bộ lọc bông tĩnh điện.</li> <li>• Có cổng kết nối khí với thiết bị theo dõi và nắp đậy, có trao đổi nhiệt</li> <li>• Đầu kết nối 22F/15M và 22M/15F</li> <li>• Thể tích lưu thông khí nằm trong khoảng từ 250ml-1500ml</li> <li>• Độ ẩm ngõ ra ≥ 31mg H<sub>2</sub>O/l air tại Vt : 500ml</li> <li>• Khoảng chết: 25ml</li> <li>• Sự trở kháng: Tại 60L/phút, ≤0,5kpa</li> <li>• Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,99%</li> <li>• Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,99%</li> <li>• Tiết trùng bằng khí EO.</li> <li>• Đóng gói riêng biệt từng cái</li> </ul> Tiêu chuẩn ISO13485	Cái	500	17.000
35	Bình chứa dịch + dây dẫn và đầu lọc vi khuẩn	Bình chứa kết nối với máy hút áp lực âm, thể tích 500ml Nhựa tổng hợp, chống cháy Bộ gồm bình điều khiển kèm dây dẫn, nối với máy Hệ thống kín, an toàn, có đầu lọc vi khuẩn. Hệ thống trong suốt dễ quan sát dịch Tiện dụng Tiêu chuẩn ISO/CE hoặc tương đương	Bộ	5	88.900
36	Bộ hút thai bằng tay (Bơm karman)	Điều trị sảy thai không trọn. - Sinh thiết nội mạc tử cung. - Bộ sản phẩm gồm: + Dầu bôi trơn: 1 lọ + Xilanh và piston: 1 bộ + Ống hút: 1 ống Ø4mm, 1 ống Ø5mm	Cái	4	71.500
37	Hóa chất dùng cho máy soi cổ tử cung	Dung dịch Acid Acetic 3% dùng cho máy nội soi cổ tử cung Chai 1 lít	chai	2	140.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
38	Hóa chất dùng cho máy soi cổ tử cung	Dung dịch Lugol 3% dùng cho máy nội soi cổ tử cung Chai 500 ml	chai	2	350.000
39	Đồng hồ oxy	- Bộ sản phẩm tiêu chuẩn bao gồm: - Đồng hồ đo lượng oxy trong bình: 01 cái - Cột đo lưu lượng khí Oxy ra: 01 cái - Bình tạo ẩm khí Oxy: 01 cái (Bình chứa polyetylen có dung tích 150 lít) - Đầu làm bằng polycacbonat để đảm bảo tính bền - Dây thở: 01 cái Thông số kỹ thuật: - Áp lực đầu vào: 15 MPa - Áp lực đầu ra: 0,2-0 0,3 MPa - Van an toàn: 0,35 ± 0,05 MPa - Lưu lượng : 1-10 L / min, 1-15L / phút	Cái	30	325.000
40	Kim sinh thiết dạ dày, đại tràng	Kim sinh thiết với thiết kế tay cầm 3 vòng. - Loại không kim. - Ngàm hình oval hoặc hình tròn. - Đường kính ngàm (1.8mm-2.4mm). - Chiều dài làm việc từ (120cm-230cm). - Khớp nối đầu kim dạng đỉnh tán.	cái	50	82.000
41	Giấy in nhiệt size 110mm x 20m	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony - Dung lượng: 215 bản in cho mỗi cuộn. - Kích thước 110 mm × 20 m.	Cuộn	100	94.500
42	Tay dao đốt điện dùng 1 lần	Tần số: 0MHz ~ 1.0MHz Cường độ dòng điện tối đa: 1A Cáp nối tiêu chuẩn 3m- tối đa 3.5m Điện cực/lưỡi dao: thép không gỉ(304HC), vỏ bọc và cán dao bằng nhựa ABS Cáp nối chịu được lực kéo 20N trong vòng 15s Đường kính 2.3-2.4mm, đầu dao hình kiếm. Chế độ cắt: Tần số F=400kHz±100kHz, mức điện áp đỉnh 1.1Vp Chế độ cầm máu: F=40kHz±10kHz, mức điện áp đỉnh 1.1Vp Tiệt trùng E.O	cái	200	36.000
43	Ống thở đo chức năng hô hấp máy AS-507	Ống ngậm giấy dùng 1 lần, đường kính: 30 mm. Sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp model AS-507	Cái	100	80.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
44	Bóng đèn nội soi Tai mũi họng Halogen Osram	Halogen display/Opticlamp. Osram 64653 24V 250w	Cái	50	410.000
<b>Phần 23: Vật tư, hóa chất thận nhân tạo</b>					
1	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (BICARBONAT)	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H <sub>2</sub> O: 0,5 g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC. Quy cách: 10 lít/ can; 2 can/ thùng	Can	7.000	165.000
2	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (ACID)	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H <sub>2</sub> O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H <sub>2</sub> O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H <sub>2</sub> O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC. Quy cách: 10 lít/ can; 2 can/thùng.	Can	4.500	170.000
3	Dung dịch làm sạch và khử trùng mức độ cao màng lọc thận nhân tạo	- Thành phần chính: Peracetic acid: 4.5% + Hydrogen Peroxide: 19.0% - Thành phần phụ: Acetic acid: 15.0% + Thành phần phụ khác: 61.5% - PH: 1.5 - 3.5. Quy cách: 5 lít/ can	Can	60	1.900.000
4	Muối tinh khiết NaCl	Muối tinh khiết NaCl không Iod	Kg	360	12.000
5	Citric acid Monohydrate	Citric acid Monohydrate dạng hạt tinh thể. Quy cách: Bao 25 kg	Kg	625	50.000
<b>Phần 24: Ống nghiệm</b>					
1	Ống nghiệm Citrate 3,8% 1ml	Ống nghiệm Citrate 3,8% 1ml Kích thước ống: 12x75mm, 13x75mm (cho thể tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Xanh Lá hoặc đen (màu nắp nhãn tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Nắp thường. Hóa chất: Sodium Citrate 3.8% hoặc Sodium Citrate 3.2% . Dung tích máu: 1ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	100	803

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
2	Ống nghiệm Citrate 3,8% 2ml	Ống nghiệm Citrate 3,8% 2ml Kích thước ống:12x75mm,13x75mm (cho thể tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Xanh Lá hoặc đen (màu nắp nhãn tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Nắp thường. Hóa chất: Sodium Citrate 3.8% hoặc Sodium Citrate 3.2%. Dung tích máu: 2ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	5.400	803
3	Ống nghiệm EDTA K3 2ml, nắp cao su	Ống nghiệm EDTA K3 2ml, nắp cao su Kích thước ống:12x75mm,13x75mm (cho thể tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Xanh dương hoặc đen (màu nắp nhãn tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Nắp cao su. Hóa chất: Tripotassium Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA K3). Dung tích máu: 2.0 ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	9.600	1.196
4	Ống nghiệm Heparin 2ml	Ống nghiệm Heparin 2ml Kích thước ống:12x75mm,13x75mm (cho thể tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Đen hoặc Xanh lá (màu nắp nhãn tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Nắp thường. Hóa chất: LITHIUM HEPARIN hoặc SODIUM HEPARIN. Dung tích máu: 2ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	48.000	864
5	Ống nghiệm nhựa 5ml	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 13 x 75mm, 5ml, nắp nhựa màu trắng, có nhãn, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	11.000	389
6	Ống nghiệm Serum 5ml	Ống nghiệm Serum 5ml Kích thước ống:12x75mm,13x75mm (cho thể tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Đỏ hoặc vàng (màu nắp nhãn tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Nắp thường. Hóa chất :Hạt polystiren tẩm chất đông máu . Dung tích máu: 2.0 ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	20.000	794

Stt	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
7	Ống nghiệm EDTA K3 2ml	Ống nghiệm EDTA K3 2ml Kích thước ống: 12x75mm, 13x75mm (cho thể tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Xanh dương hoặc đen (màu nắp nhãn tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Nắp thường. Hóa chất: Tripotassium Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA K3). Dung tích máu: 2.0 ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	48.000	828
8	Lọ nhựa đựng mẫu	Lọ nhựa polystyrene (PS) trong suốt, dung tích 50ml, nắp nhựa màu đỏ, có nhãn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	12.000	1.200
9	Lọ nhựa đựng phân	Lọ nhựa polystyrene (PS) trong suốt, dung tích 50ml, nắp nhựa màu vàng có thìa lấy mẫu phân bên trong, có nhãn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	300	1.900